



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2023**

**CTCP CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**



# MỤC LỤC

01

## THÔNG TIN CHUNG

- 1 Thông tin khái quát
- 2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 4 Định hướng phát triển
- 5 Các rủi ro

02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 Tổ chức và nhân sự
- 3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 4 Tình hình tài chính
- 5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
- 2 Tình hình tài chính
- 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 5 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị


05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1 Hội đồng quản trị
- 2 Ban Kiểm soát
- 3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

- 1 Ý kiến kiểm toán
  - 2 Báo cáo tài chính được kiểm toán
- 



# 1

## THÔNG TIN CHUNG

- 1 Thông tin khái quát
- 2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 4 Định hướng phát triển
- 5 Các rủi ro



## THÔNG TIN CHUNG

<b>Tên giao dịch</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
<b>Tên tiếng anh</b>	DONG THAP WATER SUPPLY & URBAN ENVIRONMENT JOINT - STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt</b>	DOWASEN
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số</b>	1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17/03/2022.
<b>Vốn điều lệ</b>	259.181.300.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	259.181.300.000 đồng
<b>Địa chỉ</b>	Số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.
<b>Số điện thoại</b>	(0277) 3853 332
<b>Số fax</b>	(0277) 3852 825
<b>Email</b>	capnuocdt@dowasen.com
<b>Website</b>	www.dowasen.com
<b>Mã cổ phiếu</b>	DWS
<b>Sàn giao dịch</b>	Upcom



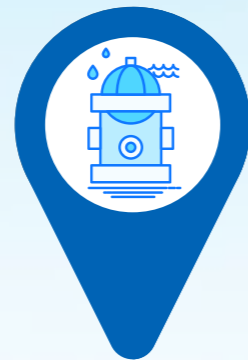


# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ra quyết định nâng nhà máy nước Cao Lãnh thành Xí nghiệp Cấp nước thị xã Cao Lãnh.

1983



Ngày 09/12/1992, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quyết định số 132/QĐ.TL về việc thành lập Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cấp nước tỉnh Đồng Tháp; trụ sở chính đặt tại số 01 đường Nguyễn Huệ, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

1992



- Ngày 18/04/1998, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 60/QĐUB.TL về việc chuyển Công ty Cấp nước tỉnh Đồng Tháp thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích; trụ sở chính đặt tại số 44 đường 30/4, phường 01 thị xã Cao Lãnh.  
- Ngày 03/06/1998, Công ty thành lập Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư ngành nước trực thuộc Công ty, nay là Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư; trụ sở đặt tại số 01A đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thị xã Cao Lãnh.

1998



Ngày 16/03/2003, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ra quyết định số 16/QĐ.TL về việc sát nhập 02 công ty Xây lắp và Dịch vụ của hai thị xã Sa Đéc và thị xã Cao Lãnh vào Công ty Cấp nước tỉnh Đồng Tháp và đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

2003

1976

Ngày 07/03/1976, Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp được thành lập và hình thành các bộ phận trực thuộc Sở bao gồm nhà máy nước Sa Đéc và nhà máy nước Cao Lãnh.



1989

Ngày 16/10/1989, Công ty Dịch vụ Cấp thoát nước tỉnh Đồng Tháp được thành lập theo quyết định số 28/QĐ-TL của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp trên cơ sở nền tảng của Xí nghiệp Cấp nước thị xã Cao Lãnh với số vốn ban đầu là 10.086.000 đồng.



1994

Ngày 15/01/1994, Công ty Cấp nước tỉnh Đồng Tháp thành lập thêm nhà máy nước huyện Lai Vung và huyện Châu Thành.



2000

Công ty Cấp nước tỉnh Đồng Tháp được giao quản lý 11 nhà máy cấp nước huyện, thị xã trong tỉnh; trụ sở mới đặt tại số 01 đường Tôn Đức Thắng, phường 1 thị xã Cao Lãnh.





# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Ngày 21/09/2006, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ra quyết định số 158/QĐ-UBND-TL về việc chuyển đổi tên Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp thành Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

2006



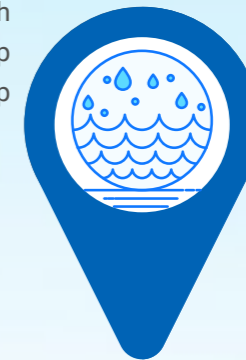
Ngày 29/03/2018, Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp góp 100% vốn điều lệ thành lập Công ty TNHH Nước Đồng Bình.

2018



Ngày 19/12/2022, Dowasen hân hạnh là đơn vị đồng hành và mang đến diễn đàn Mekong Startup 2022 các dòng sản phẩm nước uống đóng chai với đa dạng kích thước để giới thiệu đến người tiêu dùng. Tại đây, Công ty đã trưng bày các loại kích cỡ nước uống đóng chai và mang đến các giải pháp nước sạch phục vụ sinh hoạt cho người dân, góp phần quảng bá hình ảnh tỉnh Đồng Tháp nói chung và Dowasen nói riêng.

2022



2004

Tháng 03/2004, trạm cấp nước huyện Lấp Vò đã được giao về Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp quản lý.



2017

Ngày 26/04/2017, Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp hoàn thành công tác cổ phần hóa và trở thành công ty cổ phần với tên chính thức là Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/09/2006.



2019

Ngày 24/01/2019, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), với mã chứng khoán DWS.  
Ngày 01/11/2019, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nước Đồng Bình chính thức giải thể.



2023

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tiếp tục nỗ lực phát huy hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh đã đặt ra, mang lại lợi nhuận ổn định và lợi ích cho các cổ đông.





## CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC



01 Huân chương Lao động hạng Nhất    01 Huân chương Lao động hạng Nhì    01 Huân chương Lao động hạng Ba



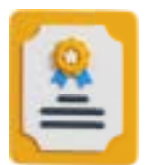
01 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ



01 cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ cho Công ty



02 Huân chương Lao động hạng Nhì và 05 Huân chương Lao động hạng Ba cho cá nhân.



Nhiều bằng khen, giấy khen, huy chương kỷ niệm chương,... cho tập thể, cá nhân của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương.





# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



### Hoạt động kinh doanh

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
- Bán buôn đồ uống
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ khác



### Hoạt động môi trường

- Thu gom rác thải độc hại/ không độc hại
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại/ không độc hại
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm/ lâu năm
- Vệ sinh chung nhà cửa
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt
- Thoát nước và xử lý nước thải
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ
- Xây dựng nhà để ở/ không để ở
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước, đường bộ, thủy, chế biến, chế tạo, kỹ thuật dân dụng khác



## ĐỊA BÀN KINH DOANH



Trải qua gần 34 năm thành lập và phát triển, Dowasen không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch mà còn cung cấp các dịch vụ môi trường đô thị chủ yếu tập trung cho khách hàng trong tỉnh Đồng Tháp.

Đồng Tháp





# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC



### Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền

📍 Số 207b, Trần Hưng Đạo, Phường 1,  
TP Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

☎️ (0277) 3861 814

✉️ (0277) 3865 366



### Chi nhánh Cấp nước Đông Bắc Sông Tiền

📍 Số 01, Nguyễn Huệ, Phường 1, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

☎️ (0277) 3852 826

✉️ (0277) 3852 826



### Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiền

📍 Quốc lộ 30, Phường An Lộc, TP Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp

☎️ 0277) 3837 319



### Chi nhánh Dịch vụ Môi trường

📍 Số 15/4 Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

☎️ (0277) 2211 427

✉️ (0277) 3851 983



### Chi nhánh Dịch vụ Môi trường - Phòng Dịch vụ Môi Trường Số 2

📍 Kế số nhà 151, đường Trần Hưng Đạo, khóm 1, phường 1, TP Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

☎️ (0277) 2241 622

✉️ (0277) 3764 366



### CHI NHÁNH NƯỚC ĐÓNG CHAI DOWASEN.

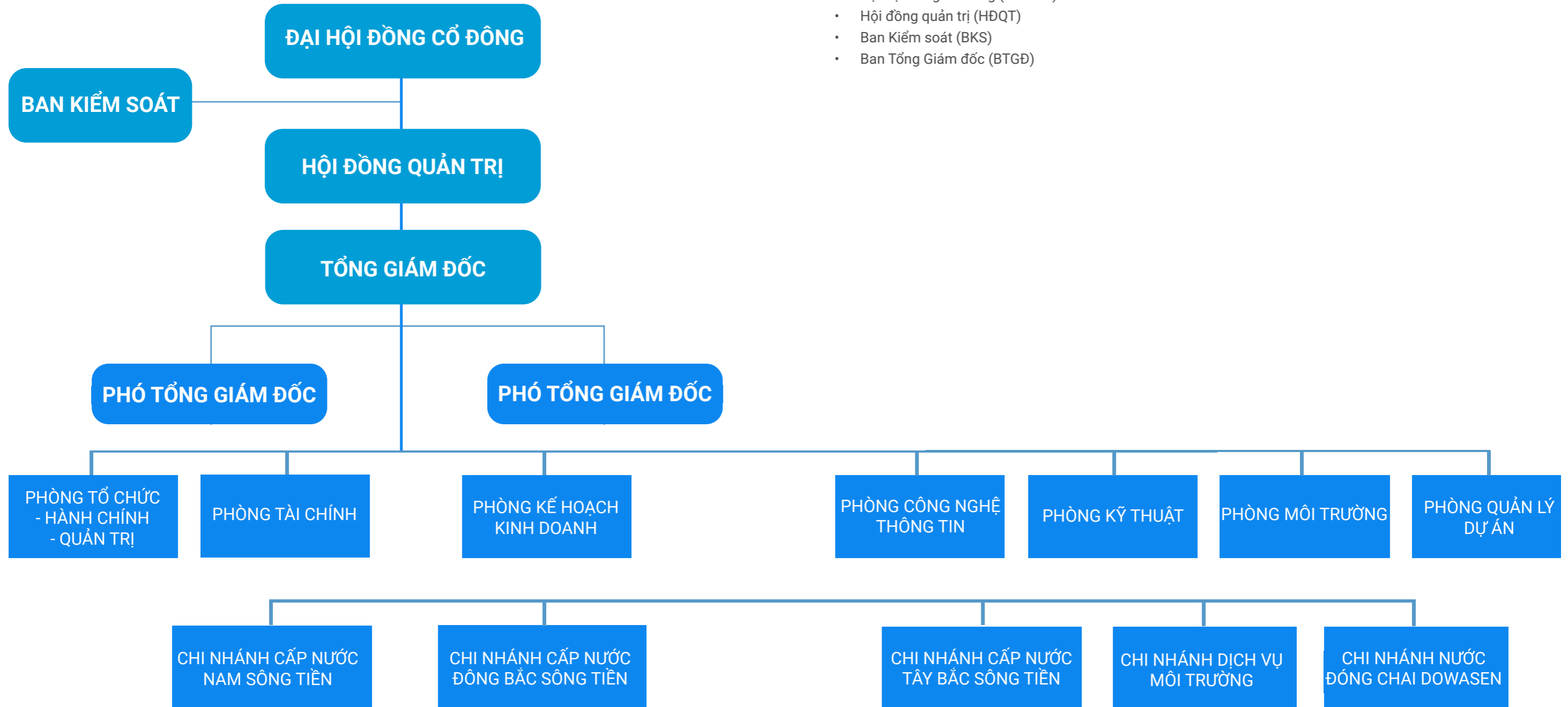
📍 Số 01, đường Tôn Đức Thắng - phường 1 - TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

☎️ (0277) 3538 999

✉️ (0277) 3538 789



**CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ**



**MÔ HÌNH QUẢN TRỊ**

Công ty cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
- Hội đồng quản trị (HĐQT)
- Ban Kiểm soát (BKS)
- Ban Tổng Giám đốc (BTGD)

**CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:** Không có



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Triển khai tốt kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ và HĐQT phê duyệt, phấn đấu đạt được mức tăng trưởng doanh thu bình quân lên 7,5%, lợi nhuận trước thuế tăng tối thiểu 10,2% so với kế hoạch năm 2022;
- Chú trọng tăng cường, quản lý an ninh nguồn nước, đảm bảo tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong việc đôn đốc các địa phương thực hiện quy định hạn chế khai thác dưới đất;
- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước,... góp phần thay đổi nhận thức và hành vi theo hướng sử dụng tiết kiệm nước và hiệu quả hơn;
- Chủ động trình dự thảo phê duyệt các dự án cải tạo, nâng cấp đối với các nhà máy nước mặt;
- Tổ chức triển khai đầu tư mở rộng, áp dụng các kỹ thuật hiện đại vào các tuyến ống cấp nước ở Chi nhánh cấp nước Nam Sông Tiền, Chi nhánh cấp nước Bắc Sông Tiền và Chi nhánh cấp nước Tây Bắc Sông Tiền;
- Lên kế hoạch dự phòng, chuẩn bị nhân sự khi công ty tiếp nhận khách hàng và các trạm của các đơn vị cấp nước nông thôn;
- Tiếp tục chỉ đạo và phối hợp thực hiện kịp thời công tác tổ chức, quản lý tình hình sử dụng vốn, tài sản, công nợ, đầu tư, nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo quyền lợi người lao động và cổ đông; kịp thời rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định, nhắc nhở và triển khai các ý kiến chỉ đạo của tỉnh Đồng Tháp;
- Tiếp tục giám sát, chỉ đạo việc phối hợp với sở, ban, ngành tỉnh Đồng Tháp nhằm tập trung triển khai kế hoạch phát triển doanh nghiệp theo hướng chuyển đổi số để thống kê số lượng doanh nghiệp sử dụng các nền tảng số tại địa phương, tổ chức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng và qua Tổ công nghệ số cộng đồng;
- Tích cực nâng cấp các dự án cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hài hòa các yếu tố góp phần nâng cao chất lượng, lợi ích lâu dài và phù hợp với quy định của nhà nước;
- Phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát nước thông qua việc xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa mạng lưới cấp nước và thay thế đồng hồ theo chu kỳ theo đúng quy định của Chính phủ;
- Tiếp tục chỉ đạo việc rà soát, liên hệ làm việc với các địa phương để có kế hoạch đăng ký tham gia đấu thầu nhằm mở rộng địa bàn cung cấp dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt tại các địa phương còn lại trong tỉnh.

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Theo Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg được ban hành ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 – 2025, DOWASEN nằm trong kế hoạch giữ nguyên phần vốn nhà nước cho đến hết năm 2025;
- Tiếp tục phối hợp với sở, ban, ngành, chính quyền địa phương trong công tác, tổ chức thực hiện “Kế hoạch cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 – 2025”, làm cơ sở để Công ty tiếp tục mở rộng hệ thống cấp nước ra khu vực nông thôn, nâng chất lượng nước nông thôn như chất lượng nước đô thị;
- Dần dần chuyển sang khai thác sử dụng nước mặt, hạn chế sử dụng nước ngầm. Tăng tỷ lệ sử dụng nước mặt năm 2025 lên 80%, năm 2030 là 100% để cung cấp nước cho người dân trên địa bàn theo đúng với lộ trình, định hướng của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm của Công ty;
- Triển khai các dự án chống thất thoát nước sạch, nâng cao khả năng vận hành của hệ thống cung cấp nước, tập trung vào việc giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2025 xuống dưới mức 18%;
- Tích cực chỉ đạo việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, số hóa, chuyển đổi số trong công tác chăm sóc khách hàng, quản lý sản xuất, xử lý công việc (như các hệ thống: CRM, DOWASCARE, Caresoft, DOWAMETER, DOWASCADA, DWeOffice,...) nhằm đảm bảo chất lượng cung cấp nước sạch, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

### CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

#### MÔI TRƯỜNG

- Luôn tích cực quan tâm đến bảo vệ môi trường và sử dụng nguồn tài nguyên một cách có trách nhiệm là cam kết của Công ty và là một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển.
- Bảo vệ môi trường - Một trong những mục tiêu phát triển bền vững của Công ty, là vấn đề mà công ty luôn chú trọng quan tâm và ưu tiên đặt lên hàng đầu. Công ty cam kết với xã hội sử dụng tối ưu hóa nguồn nước.
- Áp dụng các công nghệ tiên tiến để tối ưu hóa việc sử dụng nước, nguồn nguyên liệu trong quá trình sản xuất giúp Công ty giữ vững uy tín, góp phần bảo vệ môi trường, giữ gìn nguồn lực quý báu, xây dựng hình ảnh đáng tin cậy và phù hợp với triết lý “Vì cuộc sống cộng đồng”;
- Tập trung quan tâm công tác phòng chống thất thoát nước, giảm tỉ lệ thất thoát nước theo đúng định hướng chung của Chính phủ.

#### XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- Chỉ đạo hoàn thiện tái cơ cấu toàn diện Công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, rà soát lại các hoạt động kinh doanh của Công ty ở từng sản phẩm, dịch vụ để có định hướng tập trung đầu tư và phát triển những hoạt động cốt lõi, mang ý nghĩa kinh tế - xã hội như là cấp nước và vệ sinh môi trường, đồng thời mở rộng đầu tư hoặc hợp tác ở những lĩnh vực tiềm năng, có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính, mà pháp luật không cấm.
- Tập trung vào các phương pháp tiếp cận thị trường mới, xây dựng mối quan hệ vững chắc với các đối tác và khách hàng tiềm năng đồng thời đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng sản xuất, cải thiện quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ vượt trội. Qua đó tăng hiệu suất hoạt động và đảm bảo sự phát triển bền vững góp phần mang lại lợi ích về doanh thu, lợi nhuận, nâng cao hình ảnh và uy tín thương hiệu của Công ty;
- Quyết tâm đề ra chủ trương xây dựng và ban hành phương án nâng cao năng lực, hiệu quả công việc của người lao động trong Công ty giai đoạn 2022-2025 với kỳ vọng đội ngũ lao động “Năng động, sáng tạo, hiệu quả”, góp phần thực hiện thành công sứ mệnh và tầm nhìn của đơn vị trong thời kỳ mới.
- Tiếp tục chỉ đạo việc rà soát, liên hệ làm việc với các địa phương để có kế hoạch đăng ký tham gia đấu thầu nhằm mở rộng địa bàn cung cấp dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt tại các địa phương còn lại trong tỉnh.



## RỦI RO KINH TẾ

Năm 2023, môi trường kinh tế thế giới có nhiều sự biến động đã tác động đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của DOWASEN nói riêng. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) chỉ ra bốn nhân tố rủi ro chính làm giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong thời gian tới, gồm: (1) giá hàng hóa tăng đột biến trong bối cảnh những cú sốc địa chính trị và thời tiết; (2) lạm phát cơ bản kéo dài, đòi hỏi lập trường chính sách tiền tệ chặt chẽ hơn, (3) tăng trưởng chững lại ở Trung Quốc; (4) các nền kinh tế chuyển hướng sang củng cố tài khóa. Đứng trước những thách thức đặt ra, Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực trong việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, với chính sách tiền tệ linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước và sự kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan ban ngành, cùng với việc chỉ đạo sát sao của Quốc hội và Chính phủ. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội trong năm đã ghi nhận được những kết quả đáng trân trọng tạo nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững của quốc gia.

Trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và giữ ở mức cao, Việt Nam vẫn là một điểm sáng trong bức tranh kinh tế chung và không ngừng nâng tầm vị thế quốc tế. Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 tăng 5,05%, thấp hơn mục tiêu 6,5%, cao hơn tốc độ tăng của 2020 và 2021 - thời điểm chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Trong đó, tiêu dùng tăng 3,52%, đóng góp 41,04% vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Trước tình hình kinh tế chung vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc cần cơ quan quản lý và doanh nghiệp phối hợp tháo gỡ, những dấu hiệu phục hồi khả quan hơn vào nửa cuối năm 2023 mở ra một năm 2024 đầy hứa hẹn cho nền kinh tế Việt Nam.

Ngành nước là một ngành quan trọng thiết yếu, đóng góp một phần to lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, trên địa bàn Tỉnh vẫn còn tồn tại nhiều thách thức do ngân sách Tỉnh còn hạn hẹp dẫn đến nhu cầu đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cao Lãnh còn gặp nhiều khó khăn. Theo đó, việc đầu tư đưa nước thải về nhà máy xử lý gặp nhiều trở ngại đồng thời dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng

ngghiêm trọng. Không những thế, một số chi phí đầu vào liên tục tăng, đặc biệt là chi phí vận chuyển, nguyên nhiên vật liệu, vật tư ngành nước, điện tiêu thụ... khiến cho việc duy trì hoạt động của Công ty gặp không ít thử thách.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối nước, nước được xếp vào dạng hàng hoá sinh hoạt thiết yếu, gắn liền với quá trình phát triển đất nước và luôn nằm trong danh mục khuyến khích phát triển của Chính phủ, do đó, DOWASEN ít bị tác động bởi các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế. Tuy nhiên, khi tăng trưởng GDP được kỳ vọng phục hồi, nhu cầu nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất có thể tăng lên nhanh chóng. Bên cạnh đó, Việt Nam hiện đang hướng đến mục tiêu tỷ lệ tiếp cận nước sạch ở khu đô thị là 100%, với tiêu chuẩn tiêu thụ 120 lít/người/ngày theo quy hoạch về phát triển cấp nước cho các khu đô thị và công nghiệp đến năm 2025. Nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và môi trường, Công ty luôn nâng cao kiểm soát công tác quản lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính đã đề ra. Bên cạnh đó, Công ty luôn theo dõi, nắm bắt tình hình kinh tế chung để chủ động có những giải pháp thích hợp nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và môi trường.



## RỦI RO PHÁP LUẬT

DOWASEN là công ty đại chúng và được đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty phải tuân thủ các văn bản luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động... Công ty còn phải chịu sự kiểm soát chặt chẽ bởi các văn bản luật chuyên ngành như Luật Tài nguyên, Luật Môi trường... và các văn bản hướng dẫn khác. Trong đó, Luật Tài nguyên và Luật Bảo vệ môi trường là hai văn bản ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với các quy định chi tiết về việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước cũng như bảo vệ môi trường nước đã đặt ra nhiều thách thức cho Công ty trong việc thiết lập quỹ đất để xây dựng nhà máy nước mặt thay thế nước ngầm - một phần trong chiến lược dài hạn của Công ty.

Chính sách khuyến khích ưu đãi của Nhà nước và địa phương vẫn luôn tạo điều kiện hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và khuyến khích việc áp dụng các giải pháp thân thiện với môi trường. Nhằm đảm bảo tính tuân thủ khi có sự thay đổi trong các chính sách pháp luật và quản lý ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, DOWASEN chú trọng nâng cao việc xây dựng, cụ thể hóa, cập nhật các thay đổi các quy định của pháp luật ở từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty thành các văn bản lập quy như quy trình, quy chế, nội quy, quy định, cấm nang, sổ tay... để từ đó nâng cao việc chấp hành và tuân thủ pháp luật, cũng như tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm tra, giám sát tính tuân thủ; tham gia vào các tổ chức nhằm thảo luận, đóng góp xây dựng các dự thảo Luật hoặc điều chỉnh, bổ sung các quy định pháp luật nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng của Công ty.





## CÁC RỦI RO

### RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

#### RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Hiện nay, việc sử dụng hoá chất trong các hoạt động như như trồng trọt, nuôi trồng thủy sản cùng với các hoạt động công nghiệp đang gây ra những tác động nguy hiểm đến nguồn nước mặt. Điều này dẫn đến nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn của nguồn nước, đẩy chi phí xử lý nước lên cao. Song song với tình trạng này, biến đổi khí hậu phức tạp đã tạo ra những nguy cơ nghiêm trọng như thiếu hụt nguồn nước, sạt lở bờ sông Tiền và sông Hậu cũng như nguy cơ xâm nhập mặn tại Đồng Tháp.

Trước những rủi ro môi trường có thể đối mặt, Công ty luôn tích cực đưa ra các kế hoạch nâng cao công tác phòng chống, xây dựng kịch bản chủ động đối phó với xâm nhập mặn. Nếu xâm nhập mặn xảy ra, khả năng sẽ gây tác động lớn đến hệ thống thủy lợi, ảnh hưởng đến khả năng khai thác nguồn nước và cung cấp nước sinh hoạt cho người dân trong khu vực. Do đó, việc bảo vệ và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi trở thành ưu tiên hàng đầu nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực đến tình hình hoạt động của Công ty, đảm bảo cuộc sống ổn định cho người dân, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu và tác động của con người đối với môi trường. Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn đề cao trách nhiệm của mình trong việc duy trì cân bằng giữa sự phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, đồng thời tạo ra cho cộng đồng một cuộc sống ổn định và bền vững.



#### RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Do tình hình xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực,... Công ty đang phải đối mặt với một số rủi ro tiềm ẩn với sự gia tăng chi phí, như chi phí vận chuyển, nguyên nhiên vật liệu, vật tư ngành nước, điện tiêu thụ... Bên cạnh đó, tình trạng ô nhiễm nguồn nước từ đó có thể phát sinh thêm một số chi phí khác. Do đó, để tiết kiệm chi phí, Công ty tiếp tục đẩy mạnh phát triển và đầu tư khoa học công nghệ trong công tác quản lý chất lượng nước sạch, cố gắng tiết kiệm chi phí nhưng vẫn hiệu quả và đảm bảo tình hình hoạt động ổn định của Công ty.

#### RỦI RO THẤT THOÁT NƯỚC

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, do đó, tình trạng thất thoát nước là một vấn đề không thể tránh khỏi. Yếu tố này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng thất thoát nước, bao gồm: (1) hệ thống cấp nước sạch, đường ống cấp nước xuống cấp trong quá trình cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị; (2) chất lượng mạng lưới và đồng hồ tại các trạm cấp nước ở khu vực nông thôn không tốt cùng với vấn đề về thiếu hụt nguồn nhân lực cũng có thể dẫn đến tình trạng nước bị thất thoát; (3) các kỹ thuật xác định điểm rò rỉ hiện tại chưa đạt hiệu quả cao, trực tiếp làm cho tỷ lệ thất thoát nước vẫn cao hơn mong đợi. Tỷ lệ thất thoát nước càng cao sẽ khiến cho biên lợi nhuận gộp của doanh nghiệp bị ảnh hưởng càng lớn.

Rủi ro thất thoát nước là một vấn đề mà DOWASEN luôn đặt lên hàng đầu. Nhận thức được tầm quan trọng của việc này, Công ty đã đặt mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát nước thông qua việc xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa hệ thống cấp nước và việc thay thế đồng hồ đo lường một cách hợp lý, phù hợp với khả năng tài chính của Công ty. Công ty tăng cường cải thiện chất lượng mạng lưới cung cấp nước để giảm thiểu thất thoát, tăng hiệu suất sử dụng tài nguyên và cung cấp dịch vụ nước sạch. Thông qua đó góp phần vào sự bền vững của công ty và đóng góp vào bảo vệ môi trường và tạo ra lợi ích lâu dài cho cả cộng đồng.

### RỦI RO KHÁC

Đối với những rủi ro như thiên tai, dịch bệnh, lũ lụt... Công ty luôn đề cao cảnh giác, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, mua bảo hiểm tài sản cần thiết, xây dựng kịch bản để chủ động đối phó với những rủi ro bất khả kháng trên nhằm giảm thiểu tổn thất và đảm bảo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra liên tục.





## 2

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 Tổ chức và nhân sự
- 3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 4 Tình hình tài chính
- 5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	KH 2023	Năm 2023	% Năm 2023/ Năm 2022	% Năm 2023/ KH 2023
1	Tổng doanh thu	420.269	448.000	456.717	108,67%	101,95%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	39.466	-	46.435	117,66%	-
4	Lợi nhuận trước thuế	41.634	41.650	48.854	117,34%	117,30%
5	Lợi nhuận sau thuế	36.435	34.800	43.115	118,33%	123,89%
6	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5,9%	5,8%	6%	101,69%	103,45%

Mặc dù năm 2023 chứng kiến nhiều biến động trong bối cảnh kinh tế, tình hình hoạt động kinh doanh của DOWASEN ghi nhận sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái. Nhìn chung, công ty đảm bảo mục tiêu chính là cấp nước an toàn cho nhân dân và khách hàng trên địa bàn do Công ty quản lý. Bên cạnh đó, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Kết thúc năm 2023, tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 456,717 triệu đồng, đạt 101,95% so với kế hoạch, tăng trưởng 8,67% so với cùng kỳ năm trước. Nguồn doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động cấp nước, trong năm sản lượng nước sạch tiêu thụ trong năm 2023 là 41,924 triệu m<sup>3</sup>, tăng 8,71% so với năm 2022. Sự gia tăng này đến từ việc Công ty tiếp nhận thêm số hộ khách hàng từ các trạm nước nông thôn. Công ty đã và đang thi công cải tạo, nâng cao công suất các nhà máy để tăng công suất khai thác thêm 11.900 m<sup>3</sup>/ ngày đêm.

### Lợi nhuận sau thuế



43.115  
triệu đồng

### Tổng doanh thu



456.717  
triệu đồng

Bên cạnh hoạt động cấp nước, doanh thu từ hoạt động dịch vụ môi trường cũng tăng mạnh. Doanh thu từ hoạt động này trong năm 2023 là 85,697 triệu đồng, tăng 7,5% so với năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc công ty mở rộng một số tuyến thu gom trên địa bàn Thành phố Cao Lãnh, huyện Cao Lãnh, huyện Lấp Vò, huyện Tam Nông và thành phố Hồng Ngự. Ngoài ra, được sự ủng hộ từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong tỉnh cùng với phương châm chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm luôn ưu tiên đặt lên hàng đầu, nguồn doanh thu đến từ hoạt động nước đóng chai mang lại cho Công ty trong năm đạt 11.306 triệu đồng, tăng 16% so với cùng kỳ.

Kết quả, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2022, lần lượt đạt 48.854 triệu đồng và 43.115 triệu đồng, tương ứng tăng 17,34% và 18,33% so với cùng kỳ năm 2022.

Đứng trước những khó khăn chung của nền kinh tế nói chung và của Công ty nói riêng, DOWASEN luôn nỗ lực để thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo nhu cầu nước sạch của khách hàng trên địa bàn, ghi nhận, khắc phục theo yêu cầu sửa chữa của khách hàng, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động trong công tác kỹ thuật. Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương tiếp tục cung cấp nước sinh hoạt kịp thời, ổn định, đảm bảo chất lượng cho nhân dân trên địa bàn tỉnh, đầu tư mới, cải tạo và nâng công suất các nhà máy, mở rộng các tuyến ống, vận hành tối ưu nhà máy cấp nước, đặc biệt Công ty quan tâm đẩy mạnh việc mở rộng cấp nước ra khu vực nông thôn theo yêu cầu của chính quyền địa phương và nhu cầu thực tế của người dân, góp phần thay đổi chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn. Ngoài ra, Công ty thực hiện công tác phân tích nước cấp và nước thải tại thành phố Cao Lãnh cũng như các huyện thị thành còn lại trong tỉnh, đảm bảo theo quy định ban hành để đảm bảo chất lượng nước cung cấp theo quy chuẩn của Việt Nam.



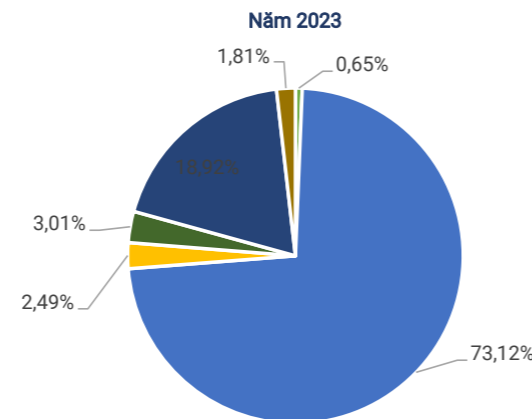
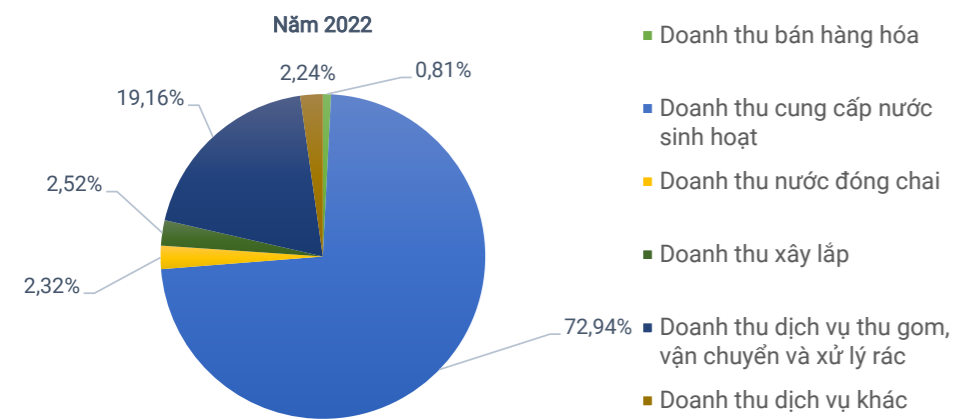


# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## CƠ CẤU DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

ĐVT: Triệu đồng

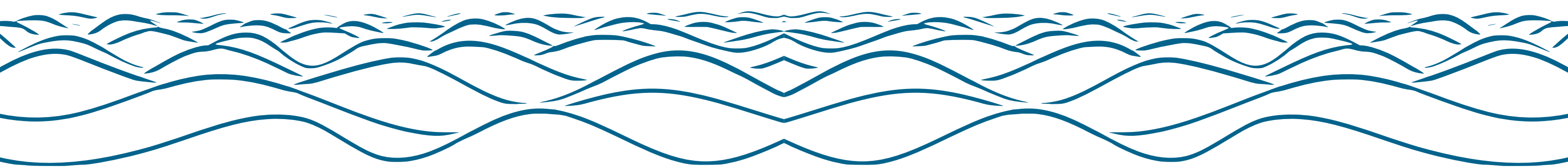
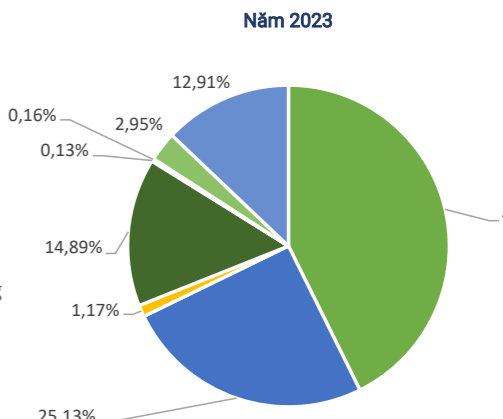
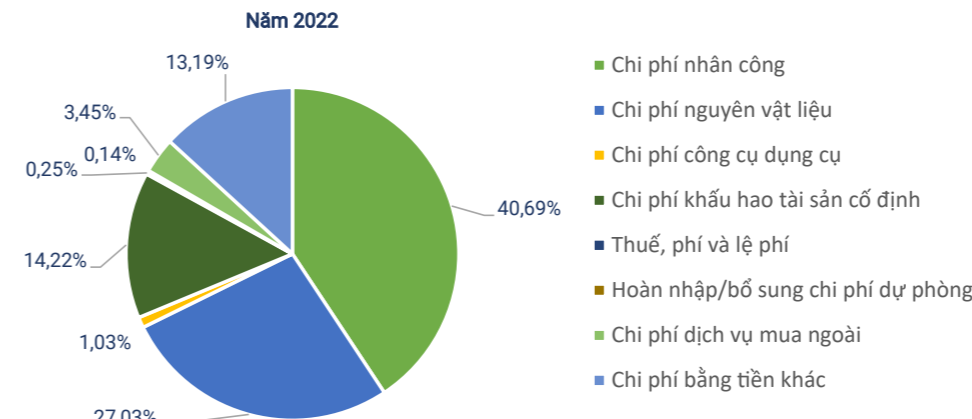
STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% Năm 2023/ Năm 2022
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu bán hàng hóa	3.375	0,81%	2.956	0,65%	87,60%
2	Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	304.523	72,94%	331.354	73,12%	108,81%
3	Doanh thu nước đóng chai	9.681	2,32%	11.306	2,49%	116,78%
4	Doanh thu xây lắp	10.541	2,52%	13.635	3,01%	129,36%
5	Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác	79.995	19,16%	85.745	18,92%	107,19%
6	Doanh thu dịch vụ khác	9.370	2,24%	8.199	1,81%	87,50%
<b>Tổng cộng</b>		<b>417.485</b>	<b>100%</b>	<b>453.194</b>	<b>100%</b>	<b>108,55%</b>



## CƠ CẤU CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% Năm 2023/ Năm 2022
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Chi phí nhân công	153.621	40,69%	165.962	42,67%	108,03%
2	Chi phí nguyên vật liệu	102.057	27,03%	97.741	25,13%	95,77%
3	Chi phí công cụ dụng cụ	3.881	1,03%	4.548	1,17%	117,18%
4	Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.705	14,22%	57.906	14,89%	107,82%
5	Thuế, phí và lệ phí	940	0,25%	512	0,13%	54,53%
6	Hoàn nhập/bổ sung chi phí dự phòng	512	0,14%	632	0,16%	123,40%
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.036	3,45%	11.459	2,95%	87,90%
8	Chi phí bằng tiền khác	49.801	13,19%	50.207	12,91%	100,81%
<b>Tổng cộng</b>		<b>377.553</b>	<b>100%</b>	<b>388.967</b>	<b>100%</b>	<b>103,02%</b>







# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày: 02/04/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (CP)		Tỷ lệ sở hữu (%)
			Đại diện	Cá nhân	
1	Ông Trần Văn Tấn	Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	6.433.800	-	24,82%
2	Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	2.218.540	97.000	8,93%
3	Ông Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	2.218.540	52.600	8,76%
4	Ông Hoàng Quốc Hưng	Kế toán trưởng	-	31.900	0,12%

## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



### ÔNG TRẦN VĂN TẤN

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Năm sinh:** 1972
- Nơi sinh:** Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp
- Quá trình công tác:**

12/1997 - 08/1999	Công ty Xây dựng số 8 - Tổng Công ty Xây dựng số 1	Cán bộ kỹ thuật thi công
09/1999 - 01/2001	Ban QLDA ngành Xây dựng - Sở XD Đồng Tháp	Cán bộ kỹ thuật Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
01/2001 - 12/2002	Ban QLDA ngành Xây dựng - Sở XD Đồng Tháp	Phó trưởng Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
12/2002 - 08/2007	Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp	Chuyên viên nghiên cứu khối XD/CB
08/2007 - 06/2011	Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp	Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu
06/2011 - 09/2014	Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp	Trưởng Phòng Kinh tế ngành
09/2014 - 08/2019	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp	Đảng ủy viên, Bí thư Chi bộ Văn phòng, Phó Trưởng Ban Quản lý
08/2019 - 08/2021	Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Du lịch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp	Đảng ủy viên, Phó Giám đốc
09/2021 - 09/2021	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Người đại diện phần vốn Nhà nước
10/2021 đến nay	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** Đại diện: 6.433.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 24,82%



### ÔNG NGUYỄN THƯỢNG VŨ

Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Năm sinh:** 1966
- Nơi sinh:** Lạng Sơn
- Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Công nghệ hóa học (Thực phẩm)
- Quá trình công tác:**

08/1999 - 03/2003	Công ty Cấp nước Đồng Tháp	Trưởng Phòng Kỹ thuật
01/2014 - 03/2015	Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Đảng ủy viên, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng Công ty 1, Phó Tổng Giám đốc
07/2015 - 03/2017	Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Bí Thư Đảng Ủy - Phó Tổng Giám đốc
03/2017 - 04/2017	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Bí Thư Đảng Ủy - Thành viên Hội đồng quản trị
04/2017 - 06/2020	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Bí Thư Đảng Ủy - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
06/2020 đến nay	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**
  - Đại diện: 2.218.540 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,56%
  - Cá nhân: 52.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,20%
  - Người có liên quan: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ: 42.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,16% (Vợ)
  - Ông Huỳnh Đăng Khoa: 20.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,08% (Em rể)





# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

# 3

### ÔNG NGUYỄN ANH DŨNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Năm sinh:** 1965
- Nơi sinh:** Nghệ An
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tổng hợp
- Quá trình công tác:**
  - 08/2015 - 03/2017 Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp Phó Tổng Giám đốc
  - 03/2017 - 04/2017 CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp Thành viên HĐQT
  - 04/2017 đến nay CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**
  - Đại diện: 2.218.540 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,56%
  - Cá nhân: 97.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,37%
  - Người có liên quan: 50.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,19% (Vợ - Bà Nguyễn Thị Ngọc)



# 4

### ÔNG HOÀNG QUỐC HƯNG

Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính

- Năm sinh:** 1970
- Nơi sinh:** Nam Định
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
- Quá trình công tác:**
  - 10/1990 - 08/1996 Trung tâm Dịch vụ Du lịch Cao Lãnh Nhân viên
  - 09/1996 - 03/2003 CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp Kế toán viên, phụ trách kế toán tại đơn vị trực thuộc
  - 04/2003 - 12/2008 CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp Kế toán viên Phòng Tài vụ
  - 01/2009 - 04/2019 CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp Phó Trưởng Phòng Tài chính
  - 05/2019 đến nay CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** Cá nhân: 31.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,12%
  - Người có liên quan: 2.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% (Vợ - Bà Hồ Thị Thanh Trúc)

## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2023

Không thay đổi



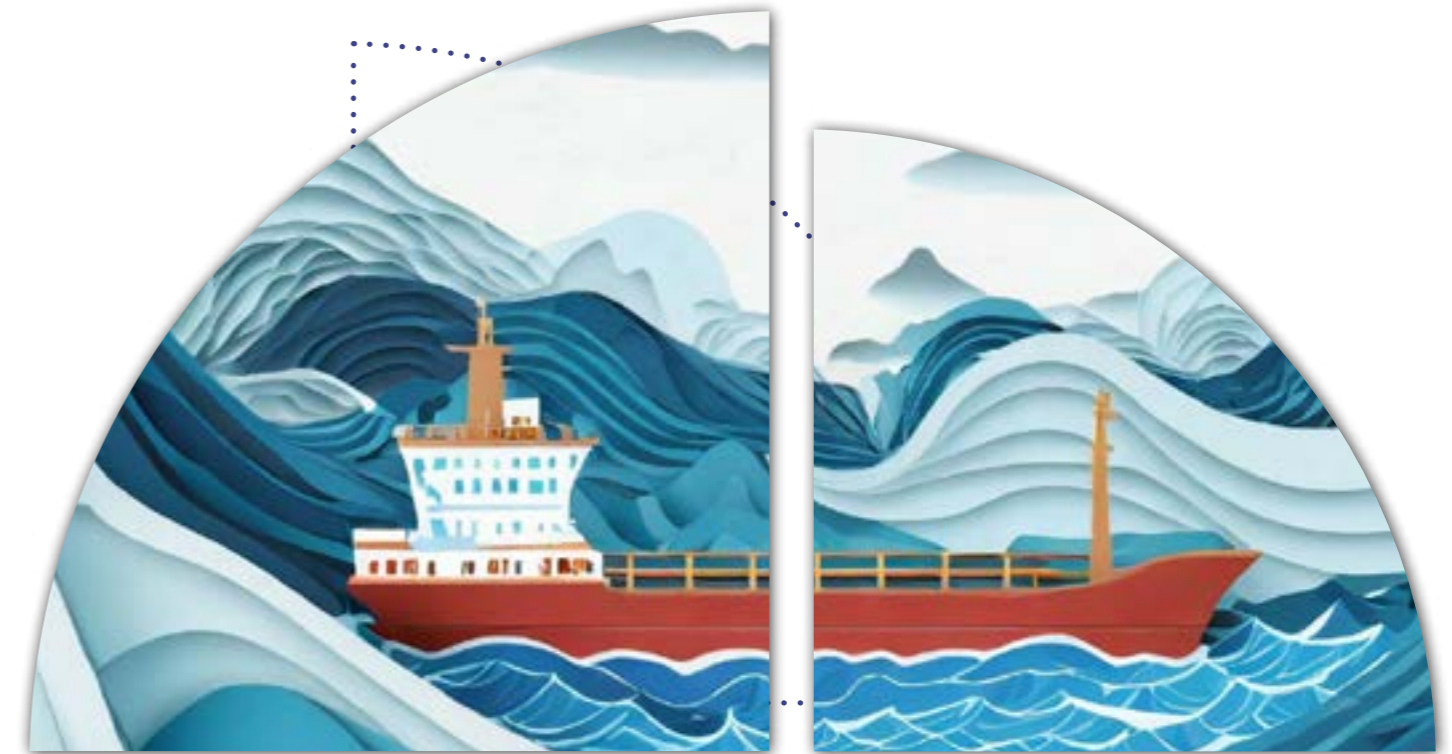
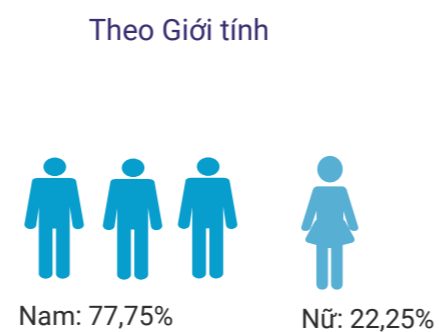
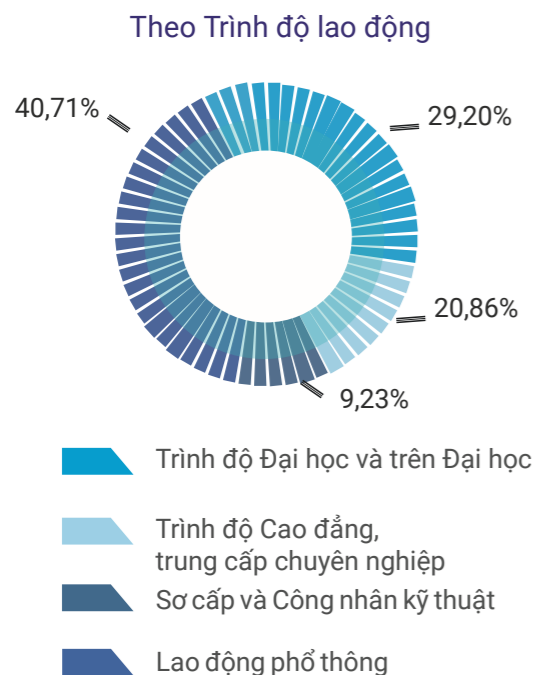


# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>791</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	231	29,20%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	165	20,86%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	73	9,23%
4	Lao động phổ thông	322	40,71%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>791</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	123	15,55%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	668	84,45%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>791</b>	<b>100%</b>
1	Nam	615	77,75%
2	Nữ	176	22,25%
<b>Tổng cộng</b>		<b>791</b>	<b>100%</b>



## “Thu nhập bình quân”



Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	745	767	791
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	13.400.000	13.900.000	15.200.000



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

#### Công tác tổ chức

- Tiếp tục thực hiện quá trình tái cơ cấu toàn diện với từng bước tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự nhằm tạo ra một mô hình hoạt động linh hoạt và hiệu quả;
- Tập trung tiến hành đánh giá lại cấu trúc tổ chức hiện tại, xác định và loại bỏ những quy trình, công việc không cần thiết hoặc trùng lặp;
- Tăng cường phân công trách nhiệm rõ ràng và thuận lợi để tăng cường hiệu suất làm việc của mỗi thành viên trong tổ chức.

#### Công tác nhân sự

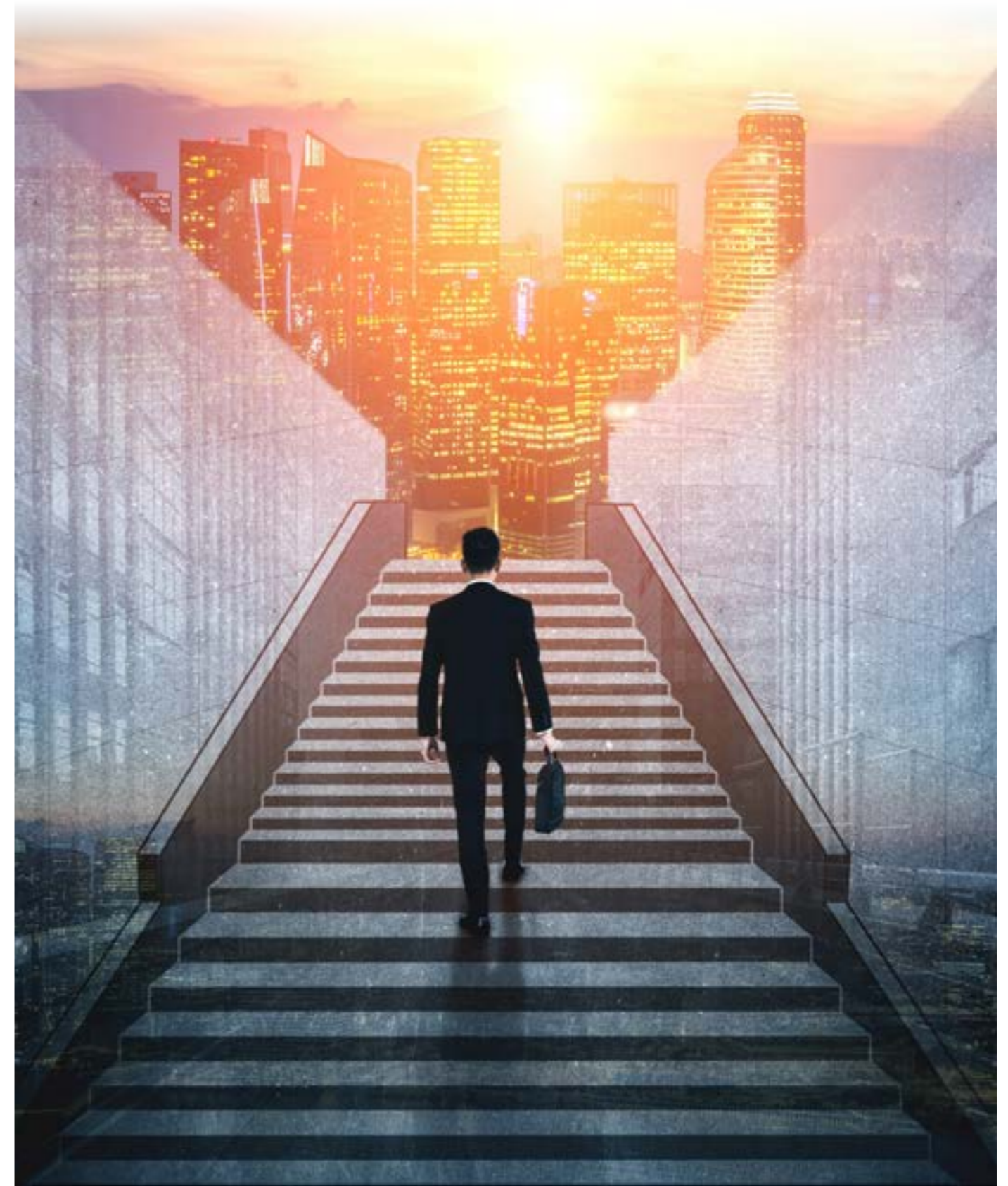
- Tiếp tục triển khai việc đánh giá hiệu suất công việc, nhân sự, uy tín của cán bộ quản lý;
- Tăng cường thúc đẩy văn hóa Dowasen để tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động.
- Thực hiện quá trình tuyển dụng được một cách chặt chẽ, công bằng, minh bạch và công khai để đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về kiến thức chuyên môn cũng như năng lực phù hợp với định hướng phát triển của Công ty

#### Công tác đào tạo

- Tiếp tục thực hiện các chương trình đào tạo và huấn luyện cho một số phòng ban nhằm hỗ trợ quá trình tái cấu trúc, điều chỉnh tổ chức nhân sự và nâng cao cả kỹ năng chuyên môn lẫn kỹ năng phục vụ công việc;
- Tiếp tục triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch “Phương án nâng cao năng lực và hiệu quả công việc của người lao động trong Công ty giai đoạn 2022 – 2023” sau khi được thông qua và chấp thuận bởi Hội đồng quản trị.

#### Công tác tiền lương

- Tiếp tục điều chỉnh mức lương của cán bộ và nhân viên dựa trên năng suất và hiệu quả công việc qua việc khoán lương theo doanh thu, sản lượng và tỷ suất lợi nhuận nhằm đảm bảo việc trả lương đầy đủ và đúng hạn;
- Xây dựng các chính sách khen thưởng linh hoạt và kịp thời nhằm khích lệ nhân viên, động viên họ để phát huy tối đa sức mạnh cá nhân và góp phần tích cực hơn vào sự thành công của Công ty.





## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### Công tác triển khai Đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ODA và ngân sách

- Công ty đang tạm thời quản lý và vận hành Nhà máy xử lý nước thải theo chỉ đạo của UBND Tỉnh theo Văn bản số 994/UBND-KT ngày 19/11/2020.
- Trong năm 2023 Công ty đã kiến nghị và được UBND Tỉnh (tại Văn bản số 48/UBND-KT ngày 22/01/2024) thống nhất chủ trương thanh quyết toán chi phí quản lý và vận hành Nhà máy xử lý nước thải từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 09 năm 2023 với số tiền hơn 5,1 tỷ đồng. Đồng thời, được UBND Tỉnh chỉ đạo phối hợp với các sở ngành có liên quan khắc phục tài chính, quyết toán vốn đầu tư dự án và bàn giao đơn vị quản lý và vận hành Nhà máy.

### Công tác triển khai đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn Công ty và vốn vay

Kế hoạch năm 2023 (sau khi điều chỉnh, bổ sung lần 2), Công ty triển khai đầu tư 03 công trình nguồn và 09 tuyến ống cấp nước với tổng giá trị dự toán là 46.638 triệu đồng. Kết quả triển khai thực hiện đến thời điểm hiện tại như sau

- Đối với 03 công trình nguồn (gồm: (1) Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Phú Hựu; (2) Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Tân Phú Trung; (3) Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Đông Bình 2): Công ty đã thực hiện xong các thủ tục chuẩn bị đầu tư theo quy trình đầu tư xây dựng cơ bản, hiện đang xin giấy phép xây dựng, dự kiến khởi công trong quý I năm 2024 và hoàn thành trong quý III năm 2024.
- Đối với 09 công trình tuyến ống: Các công trình đều đã thực hiện xong các thủ tục chuẩn bị đầu tư theo quy trình đầu tư xây dựng cơ bản, trong đó:
  - Có 06/09 công trình đã thi công xong, gồm:
    - (1) Công trình Tuyến ống D90 đường Thường Phước - 3 Nguyễn từ CDC Giồng Bàng đến CDC Giồng Duối.
    - (2) Tuyến ống cấp nước D160 đường tránh QL30 từ ĐT 842 đến Xưởng may Miền Nam.
    - (3) Tuyến ống Bắc Chờm Bần.

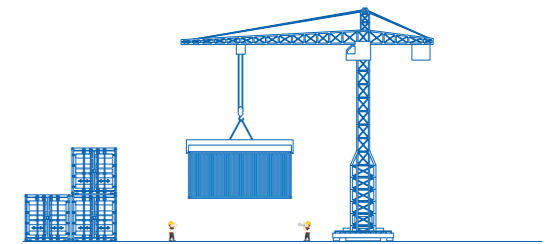
- (4) Tuyến ống D160 từ trạm cấp nước ấp Long An xã Long Thắng đến UBND xã Tân Phú Trung.
- (5) Tuyến ống cấp nước từ nhà Ông Thái Minh Công đến cầu Tắc Lớn 1.
- (6) Tuyến ống D220 đường Tràm Dơi (từ QL30 đến cây xăng Lê Hoàng) + Tuyến ống D114 đường tuyến dân cư Mỹ Thọ (từ đường Tràm Dơi đến cống trạm bơm).
  - Có 01/09 công trình đã khởi công, dự kiến hoàn thành trong quý I năm 2024, gồm:
    - (1) Tuyến ống Mở rộng mạng lưới cấp nước tại các xã Bình Thành, xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò giai đoạn 2: Hiện tại 03/04 hạng mục đã hoàn thành.
    - Còn 02/09 công trình chuẩn bị khởi công trong quý I năm 2024, gồm:
      - (1) Tuyến ống D225 từ NMN Bình Thành đến thị trấn Lấp Vò giai đoạn 2.
      - (2) Tuyến ống D160 đường Huyện lộ An Hòa – Hòa Bình từ cuối TDC Ấp 4 đến CDC Cả Nổ.

### Công tác mua sắm tài sản lớn

- Tiếp nhận các trạm cấp nước nông thôn: Trong năm 2023 đã nhận 04/06 trạm cấp nước nông thôn có tổng giá trị trên 03 tỷ đồng với hơn 37,5 km đường ống chuyển tải, phân phối và 1.984 hộ khách hàng, gồm:

- (1) Trạm CN ấp Tân Trường, xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh.
- (2) Trạm CN ấp 3, xã Phú Lợi, huyện Thanh Bình.
- (3) Trạm CN ấp 4, xã Phú Lợi, huyện Thanh Bình.
- (4) Trạm CN Trung tâm chợ Láng Biển, huyện Tháp Mười. Còn lại 02/06 trạm, hiện tại Công ty đang thương thảo, chuẩn bị thủ tục nhận chuyển nhượng, tiếp nhận trong quý I năm 2024, gồm:
  - (1) Trạm cấp nước TDC Bờ Bắc kênh ranh An Phong – Phú Ninh, huyện Tam Nông
  - (2) Trạm CN cồn An Hòa, xã An Nhơn, huyện Châu Thành.

- Tiếp nhận các trạm cấp nước nông thôn: Trong 6 tháng cuối năm 2023, Công ty đã triển khai tổ chức mua sắm mới 04 xe ép rác (tải trọng cho phép 06 tấn/xe) theo quy định, trong đó:
  - 02 xe đã mua xong và được đơn vị cung cấp bàn giao trong tháng 11 năm 2023.
  - 02 xe đã mua xong và được đơn vị cung cấp bàn giao trong tháng 01 năm 2024.



### CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

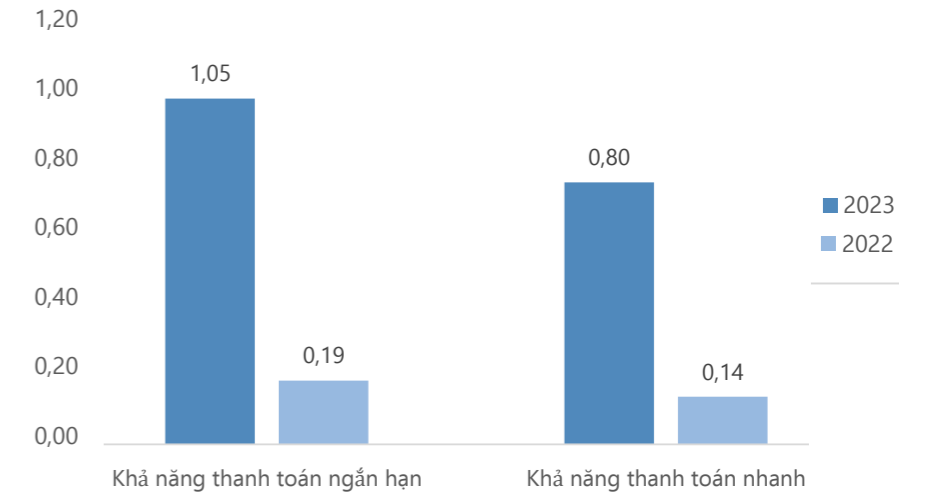
STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.071.754	1.071.934	100,02%
2	Doanh thu thuần	417.188	453.130	108,62%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	39.466	46.435	117,66%
4	Lợi nhuận khác	2.167	2.419	111,63%
5	Lợi nhuận trước thuế	41.634	48.854	117,34%
6	Lợi nhuận sau thuế	36.435	43.115	118,33%

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,19	1,05
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,14	0,80
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	68,94%	67,31%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	222,01%	205,88%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	9,69	9,48
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,39	0,42
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	8,73%	9,51%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	11,18%	12,62%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,44%	4,02%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần (LN HỖSXKD/ DTT)	%	9,46%	10,25%

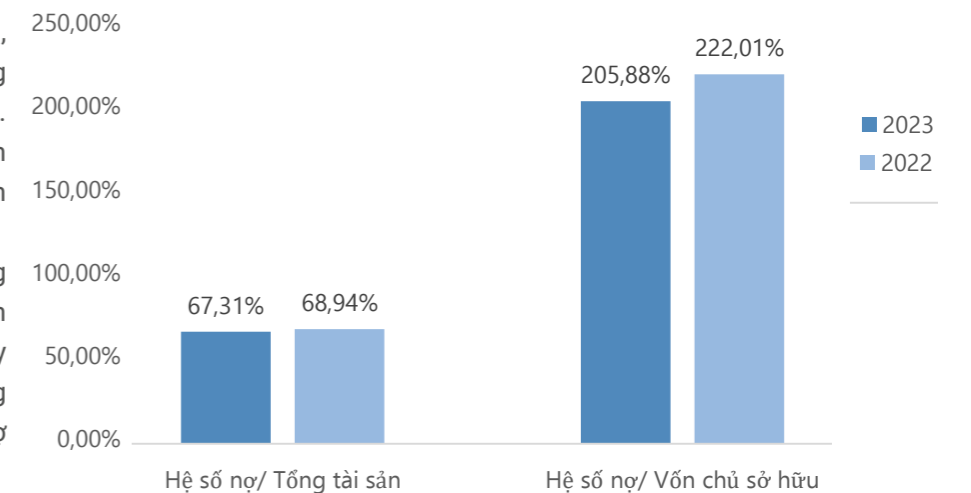
## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2023, các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty trong năm đều có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty tăng từ 0,19 lần lên 1,05 lần. Tương tự sau khi đã loại bỏ hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác, hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 0,14 lần lên 0,8 lần. Nguyên nhân chính là do khoản mục nợ ngắn hạn giảm mạnh. Cụ thể trong năm nay, nợ ngắn hạn giảm từ 614.629 triệu đồng xuống 138.647 triệu đồng, giảm 475.983 triệu đồng, tương đương giảm 77,44% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự giảm mạnh này là do các khoản phải trả liên quan đến các công trình xây dựng bằng vốn ODA và nguồn đối ứng với ngân sách nhà nước.



## CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Tính đến cuối thời điểm năm 2023, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đã giảm nhẹ so với năm trước. Trong năm 2023, Công ty ghi nhận mức tăng 0,02% đối với tổng tài sản (tương đương tăng 180 triệu đồng) và mức tăng 5,29% (tương đương 17.610 triệu đồng) đối với vốn chủ sở hữu. Trong khi đó, Công ty ghi nhận mức giảm 2,36% (tương đương 17.430 đồng) đối với tổng nợ phải trả.



Theo đó, các khoản mục tăng giảm không đồng đều khiến cho chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty giảm nhẹ trong năm 2023. Cụ thể, Hệ số nợ/ Tổng tài sản của Công ty giảm từ 68,94% xuống còn 67,31% và Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu giảm từ 222,01% xuống còn 205,88%. Nguyên nhân chính dẫn đến hệ số nợ ghi nhận giảm trong năm nay là do Công ty đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn khi đến kỳ thanh toán.



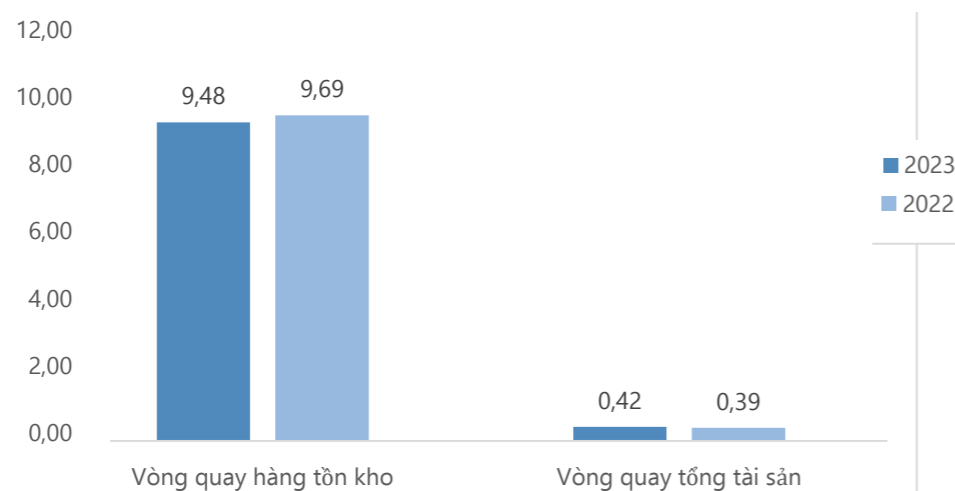


# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2023, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của DOWASEN không có những sự thay đổi quá lớn. Xét vòng quay hàng tồn kho, hệ số này giảm từ 9,69 vòng xuống còn 9,48 vòng do tốc độ tăng của giá vốn hàng bán nhanh hơn so với tốc độ tăng của hàng tồn kho. Trong năm, các chi phí sản xuất theo yếu tố đạt 388.967 triệu đồng, tăng 3,02% so với cùng kỳ, nguyên nhân là do giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng và mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Đối với chỉ số về Vòng quay tổng tài sản, vì trong năm không phát sinh khoản đầu tư lớn nên hệ số này của Công ty không có nhiều biến động so với cùng kỳ, ghi nhận tăng nhẹ từ 0,39 vòng lên 0,42 vòng. Nguyên nhân đến từ việc doanh thu thuần của DOWASEN có cải thiện do sản lượng bán hàng cũng như đơn giá bán nước thương phẩm tăng. Từ đó cho thấy các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của DOWASEN trong năm nay đang tăng trưởng khá tốt, công tác quản trị các khoản phải thu khách hàng trong tương lai sẽ tiếp tục giảm, thời gian thu tiền bán hàng sẽ càng ngắn, từ đó giúp cải thiện tốt hơn hệ số vòng quay khoản phải thu. Bên cạnh đó, trong quá trình sản xuất, Công ty nên tối ưu hoá chi phí và nguyên vật liệu đầu vào bằng cách đàm phán với nhà cung cấp góp phần giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định và hiệu quả.

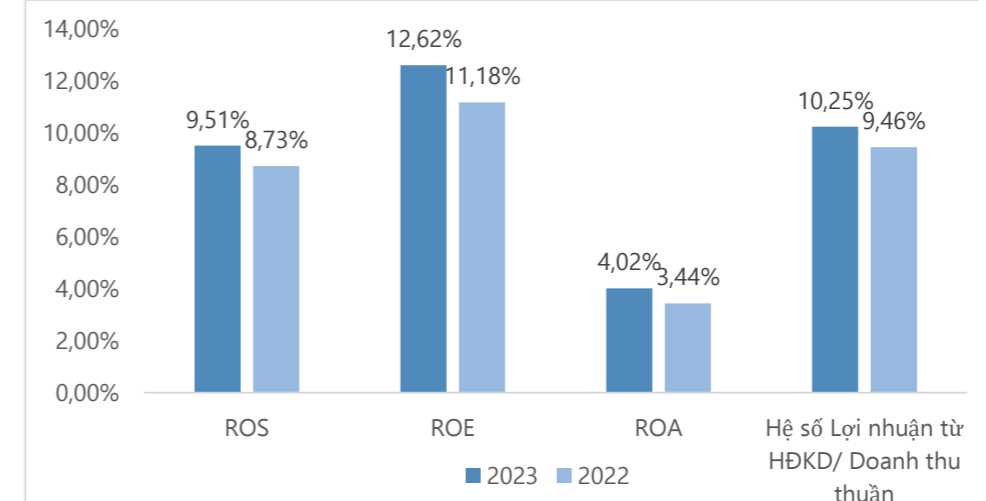


## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong năm 2023, mặc dù nền kinh tế phải đối mặt với nhiều biến động, nhưng các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty vẫn tăng trưởng nhẹ so với năm trước. Nguyên nhân chính là Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước và các dịch vụ về môi trường - đây là những dịch vụ thiết yếu đối với đời sống hàng ngày của người dân.

Trong năm 2023, lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đã ghi nhận mức tăng mạnh, lần lượt là 43.115 triệu đồng và 46.435 triệu đồng, tương ứng với tăng trưởng 18,33% đối với lợi nhuận sau thuế và 17,66% đối với lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, tất cả các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều tăng trưởng so với năm 2022.

Cụ thể, các chỉ số quan trọng như ROS (lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ), ROE (lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu), ROA (lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản) và tỷ lệ lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu (LN HĐSXKD/DTT) đều đã tăng lên. Trong năm 2023, các chỉ số này lần lượt lần lượt đạt 9,51%, 12,62%, 4,02%, 10,25%, tương ứng tăng 0,78%; 1,44%; 0,58%; 0,79% so với cùng kỳ năm ngoái..





# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

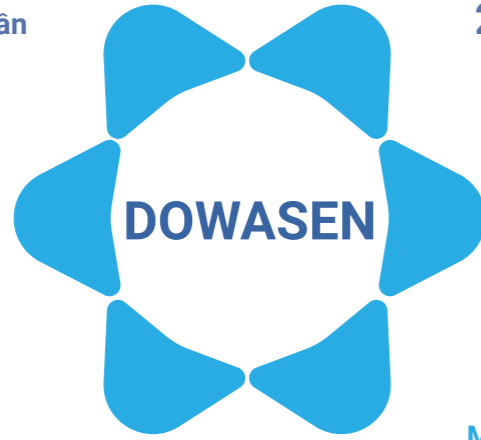
## CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đã phát hành  
**25.918.130** cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành  
**25.918.130** cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ  
**0** cổ phần

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng  
**0** cổ phần



Loại cổ phần  
Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần  
**10.000** đồng/cp

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 02/04/2024

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	1	22.185.480	221.854.800.000	85,60%
II	Cổ đông trong nước				
1	Cá nhân	555	3.731.450	37.314.500.000	14,40%
2	Tổ chức	3	22.186.680	221.866.800.000	85,60%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>558</b>	<b>25.918.130</b>	<b>259.181.300.000</b>	<b>100%</b>

**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:** 0% (Tính tại ngày 31/12/2023)

Căn cứ công văn số 8269/UBCK-PTTT ngày 13/12/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (DWS), tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa của DWS là 0%.

### Cổ đông lớn

Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
UBND Tỉnh Đồng Tháp	Số 12 đường 30/4, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	22.185.480	85,60%

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Số vốn tăng/giảm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
1	26/04/2017	-	355.575.500.000		Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/9/2006, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 26/04/2017.
2	30/06/2018	(96.394.197.809)	259.181.300.000	Điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hoá	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/06/2018.

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:** Không có

**CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC:** Không có







## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Để đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng nước theo quy định của QCVN 01-1:2018/BYT, Công ty hiện áp dụng phương pháp khử trùng nước bằng Clo và các hợp chất khác. Ngoài việc sử dụng Clo để khử trùng, việc duy trì một lượng Clo dư trong nước là cần thiết để đảm bảo rằng chất lượng nước không bị ô nhiễm vi sinh trong quá trình vận chuyển qua mạng lưới cấp nước. Tuy nhiên, việc sử dụng hoá chất chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí nguyên vật liệu sản xuất. Do đó, Công ty đặt nặng việc tối ưu hóa sử dụng nguyên liệu đầu vào và áp dụng định mức hợp lý để giảm thiểu chi phí, đồng thời đảm bảo lợi nhuận.

Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn chú trọng vào việc chọn lựa đối tác cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy nhằm mục đích giảm thiểu rủi ro mua phải nguyên vật liệu kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường và cộng đồng.

### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty chủ yếu sử dụng điện năng để vận hành các hệ thống xử lý nước, máy bơm và cung cấp ánh sáng cho khu vực nhà máy, văn phòng,... giúp giảm chi phí sản xuất và tối đa hóa lợi nhuận. Bên cạnh đó, việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất là một trong những mục tiêu hàng đầu mà Công ty hướng tới. Vì vậy, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng điện an toàn, hiệu quả và tiết kiệm cho nhân viên.

Tổng chi phí điện sử dụng trong năm 2023 là 44.359 triệu đồng, trong đó:

- + Điện sản xuất: 43.800 triệu đồng
- + Điện ánh sáng: 559 triệu đồng.

### TIÊU THỤ NƯỚC

Nước không chỉ là nguyên liệu đầu vào mà còn là sản phẩm chính của hoạt động sản xuất. Do đó, việc tái sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả cho các mục đích khác nhau là một phần quan trọng trong chiến lược của Công ty thông qua việc áp dụng các thiết bị tiên tiến cùng với hệ thống đường ống được thiết kế chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng các đường ống để giảm thiểu nguy cơ mất nước do rò rỉ, hỏng hóc, và đập... Trong lĩnh vực môi trường nước, Công ty nhận thức rõ về sự quan trọng của việc bảo vệ nguồn nước và sử dụng nó một cách tiết kiệm mà vẫn đảm bảo hiệu quả sản xuất. Điều này luôn được coi là giá trị cốt lõi, làm nền tảng cho hoạt động kinh doanh và sản xuất của Công ty.

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty đã tiến hành nâng cấp các nhà máy xử lý rác, mở rộng diện tích bãi rác Đập Đá và bãi rác Sa Đéc để phục vụ quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải. Thông qua đó giúp gia tăng khả năng xử lý chất thải rắn, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường và giảm thiểu tác động đến cộng đồng. Đặc biệt, Công ty đã thiết kế hệ thống che chắn một cách kỹ lưỡng để ngăn chặn ô nhiễm và cam kết không xảy ra bất kỳ vi phạm nào liên quan đến vấn đề môi trường trong quá trình hoạt động. Ngoài việc thực hiện các cải tiến, Công ty cũng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm nhằm đảm bảo rằng công nghệ sản xuất nước sạch mà Công ty sử dụng đúng với các tiêu chuẩn quy định được ban hành. Đồng thời, các đoàn kiểm tra từ cơ quan giám sát môi trường của tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền thường xuyên đến kiểm tra, đánh giá, đảm bảo vệ sinh và bảo vệ môi trường.

### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty thực hiện chính sách dân chủ, đặt sức khỏe và phúc lợi của nhân viên làm tâm điểm và coi việc bảo vệ nguồn nhân lực hiện có là trách nhiệm hàng đầu. Bên cạnh đó, Công ty cũng cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động, tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm sức khỏe nhằm phòng ngừa các rủi ro liên quan đến bệnh nghề nghiệp. Đồng thời, Công ty còn tích cực thực hiện công tác thi đua khen thưởng một cách hiệu quả và hỗ trợ các hoạt động an sinh xã hội để khuyến khích và thúc đẩy sự phát triển cá nhân của từng nhân viên.

### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Nhận thức được giá trị của Công ty không những qua chỉ số tăng trưởng kinh doanh mà còn trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng. Thông qua các hoạt động như tiếp nhận, vận hành các trạm cấp nước theo yêu cầu của chính quyền để đáp ứng nhu cầu cấp bách và cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương. Đồng thời, công ty cũng hướng tới việc mở rộng phạm vi phục vụ, hỗ trợ giá nước cho các hộ gia đình nghèo và cận nghèo nhằm thúc đẩy phát triển cho khách hàng. Ngoài hoạt động cung cấp nước, Công ty cũng hợp tác chặt chẽ với chính quyền địa phương và Tỉnh Đồng Tháp thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh. Cùng với đó, Công ty cũng tham gia và hỗ trợ các sự kiện lễ hội, từng bước nâng cao sự nhận thức và uy tín của Công ty trong cộng đồng đồng thời quảng bá hình ảnh của Công ty đến với người dân và du khách.

### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Công ty hiện chưa có các hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh.





# 3

## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- 1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
- 2 Tình hình tài chính
- 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 5 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2023

Trong năm 2023, mặc dù gặp phải nhiều thách thức nhưng nhờ vào sự quan tâm, hỗ trợ từ các cấp, các ngành trong Tỉnh Đồng Tháp, cùng với sự đoàn kết và nỗ lực từ toàn thể lãnh đạo và nhân viên, Công ty đã nỗ lực để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ được giao. Điều này đã mở ra cơ hội để đầu tư phát triển các mạng lưới nhà máy sản xuất nước tập trung, cũng như khách hàng, tăng cường sản lượng tiêu thụ. Bên cạnh đó, hiệu suất kinh tế đạt được trong năm 2023 đã trở thành động lực để toàn thể lãnh đạo và nhân viên Công ty tiếp tục nỗ lực hơn nữa, đóng góp cho sự phát triển và ổn định bền vững của Công ty.



### THUẬN LỢI

- Công ty liên tục nhận được sự quan tâm và hỗ trợ tận tình từ Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp, các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty cũng chủ động tham gia vào công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc bảo vệ môi trường và lợi ích của việc sử dụng nước sạch. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty mở rộng hoạt động thu gom rác thải và mở rộng mạng lưới cung cấp nước tới các khu vực ven thành phố và nông thôn góp phần cải thiện đời sống của cộng đồng địa phương và đồng thời tăng doanh thu.
- Đa số nhân viên trong Công ty sở hữu kiến thức chuyên môn vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, sáng tạo và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quá trình làm việc, đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của Công ty.
- Do tính chất đặc thù của ngành nước, thị trường không có nhiều đối thủ cạnh tranh, đặc biệt là ở các khu vực đô thị dẫn đến việc hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực này đạt được sự ổn định và phát triển, nhưng không có sự tăng trưởng đột biến như một số lĩnh vực khác.
- Việc thúc đẩy thanh toán điện tử, loại bỏ việc sử dụng tiền mặt trong thanh toán hóa đơn nước và rác thải, thông qua việc mở rộng các kênh thanh toán liên kết với các ngân hàng và dịch vụ thu hộ, đã tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng thực hiện thanh toán mọi lúc, mọi nơi. Điều này giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho khách hàng và giúp quản lý chặt chẽ khoản phải thu.

### KHÓ KHĂN

- Công ty đang thực hiện chính sách chuyển đổi từ việc khai thác nguồn nước ngầm sang nguồn nước mặt tại một số địa phương. Điều này, gây ra khó khăn trong việc tìm kiếm đất đai phù hợp để đầu tư và xây dựng các nhà máy thay thế như kế hoạch. Bên cạnh đó, vì nguồn nước mặt có nguy cơ bị ô nhiễm cao, Công ty đang phải tăng chi phí xử lý để đảm bảo chất lượng nước cung cấp tốt nhất có thể.
- Nhu cầu sử dụng dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt mới của các hộ dân trong nội ô đang dần đạt đến mức bão hòa. Do đó, để mở rộng kinh doanh, Công ty cần đầu tư vào dự án mở rộng mạng lưới cấp nước ở khu vực nông thôn và vùng ven theo yêu cầu của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, do mật độ dân cư ở khu vực nông thôn và vùng ven còn thấp và chi phí đầu tư lớn, nên hiệu quả của việc mở rộng này chưa cao.
- Hai bãi rác là Bãi rác Đập Đá và Bãi rác Sa Đéc đang gặp phải tình trạng quá tải do lượng rác thải sinh hoạt tăng lên. Sự thiếu bãi rác dự phòng khiến cho quá trình đổ và xử lý rác thải tại các bãi gặp nhiều khó khăn và tăng thêm chi phí cho việc xử lý này.



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm 2023, việc mở rộng địa bàn kinh doanh chủ yếu tập trung vào phát triển khách hàng mới ở vùng nông thôn đã góp phần làm tăng số lượng hộ gia đình sử dụng dịch vụ nước sinh hoạt lên đến 10.000 hộ, số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ thu gom và vận chuyển rác cũng đã tăng thêm 9.000 hộ. Sự gia tăng này cùng với việc nâng cao công suất hoạt động của một số nhà máy xử lý nước đã dẫn đến sự tăng trưởng về doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và thu gom vận chuyển rác so với cùng kỳ trước đó. Cùng với đó, doanh thu từ các hoạt động khác như doanh thu từ việc sản xuất nước đóng chai, hoạt động hút hầm cầu và chăm sóc cây xanh cũng đạt mức tăng trưởng tốt. Điều này đã đóng góp vào việc tăng doanh thu tổng thể và cũng góp phần gia tăng lợi nhuận sau thuế của Công ty.





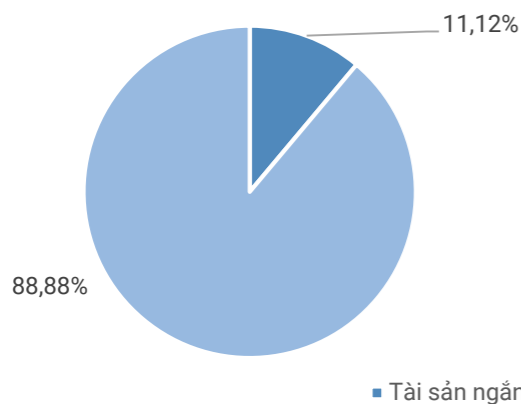
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

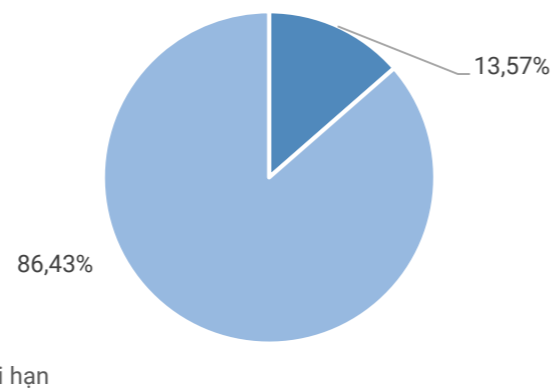
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	119.197	11,12%	145.489	13,57%	26.292	122,06%
Tài sản dài hạn	952.557	88,88%	926.446	86,43%	(26.111)	97,26%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.071.754</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.071.934</b>	<b>100,00%</b>	<b>181</b>	<b>100,02%</b>

Năm 2022



Năm 2023



Nhìn chung, cơ cấu tình hình tài sản của Công ty không có thay đổi nhiều so với năm trước. Tính đến 31/12/2023, tài sản ngắn hạn tăng 22,06% so với cùng kỳ, từ 110.197 triệu đồng lên 145.489 triệu đồng. Điều này chủ yếu đến từ phần tiền gửi tăng do khoản mục tiền gửi ngân hàng tăng lên. Trong năm 2024, Công ty tiếp nhận thêm một số hộ khách hàng từ trạm nước nông thôn, làm tăng khoản phải thu khách hàng từ dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt. Ngoài ra, việc dự trữ nguyên vật liệu trong khoản mục hàng tồn kho cũng làm gia tăng tài sản ngắn hạn tại thời điểm này.

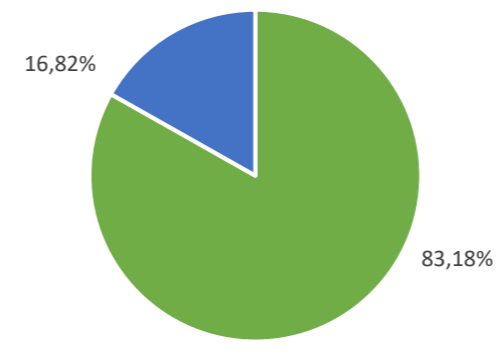
Trong năm 2023, Công ty không có khoản đầu tư vào tài sản dài hạn lớn, thay đổi giảm chủ yếu đến từ khấu hao tài sản cố định khiến tài sản dài hạn của DOWASEN giảm dần. Cụ thể, Tài sản dài hạn của DOWASEN trong năm 2023 giảm từ 952.557 triệu đồng xuống 926.446, giảm 2,74% so với cùng kỳ, tương ứng với 26.111 triệu đồng. Ngoài ra, trong năm 2023, một số dự án của DOWASEN được thực hiện nhờ nguồn vốn ODA và nguồn vốn Ngân sách nhà nước đã hoàn thành, từ đó, các chi phí hạch toán của các dự án này giảm cũng là nguyên nhân dẫn tới khoản mục tài sản dài hạn giảm.

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

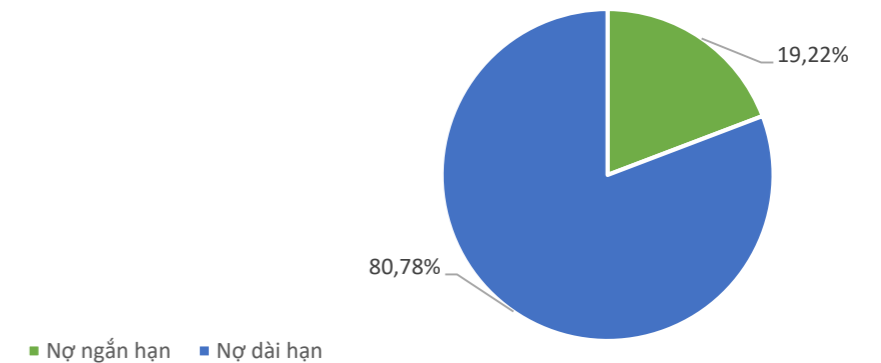
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Nợ ngắn hạn	614.629	83,18%	138.647	19,22%	(475.982)	22,56%
Nợ dài hạn	124.292	16,82%	582.844	80,78%	458.552	468,93%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>738.920</b>	<b>100,00%</b>	<b>721.491</b>	<b>100,00%</b>	<b>(17.430)</b>	<b>97,64%</b>

Năm 2022



Năm 2023



Tính tới ngày 31/12/2023, cơ cấu tình hình nợ phải trả của DOWASEN biến động mạnh về mặt tỷ lệ. Cụ thể, khoản mục nợ ngắn hạn giảm từ 614.629 triệu đồng xuống còn 138.647 triệu đồng, tương đương giảm 77,44% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự giảm mạnh này là do các khoản phải trả liên quan đến các công trình xây dựng bằng vốn ODA và nguồn đối ứng với ngân sách nhà nước. Đây cũng chính là nguyên nhân tất yếu gây nên sự tăng đột biến của nợ dài hạn, do dự án từ các nguồn vốn này cần được quyết toán bởi Chính phủ, nên doanh nghiệp hạch toán số liệu vào khoản mục nợ dài hạn để không ảnh hưởng tới các nguồn vốn khác của Công ty. Trong năm, nguyên nhân chính dẫn đến hệ số nợ ghi nhận giảm trong năm nay là do Công ty đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn khi đến kỳ thanh toán.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Trong năm vừa qua, Công ty đã tiếp tục duy trì cấu trúc tổ chức vì nhận thấy sự hiệu quả mà nó mang lại trong hoạt động. Các chính sách quản lý cũng đã được duy trì, hoàn thiện và bổ sung một cách liên tục, đồng thời tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2023	KH năm 2024	% KH 2024/TH 2023
1	Vốn điều lệ (triệu đồng)	259.181	259.181	100%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác (triệu đồng)	456.717	491.000	107,51%
3	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	48.854	50.200	102,76%
4	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	43.115	44.300	102,75%
5	Phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước (triệu đồng)	30.496	33.700	110,51%
6	Vốn chủ sở hữu bình quân (triệu đồng)	307.830	327.663	106,44%
7	ROE (%)	14,01%	13,52%	96,50%
8	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	6%	6,2%	103,33%
9	Thu nhập người lao động (triệu đồng/người/tháng)	15,2	15,3	100,48 %



## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính tổng hợp được kiểm toán năm 2023, đơn vị kiểm toán Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn UHY đã cho ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn bộ phần báo cáo của Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến phản hồi hay cần giải trình thêm về vấn đề này.

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Lĩnh vực cấp nước	40.955
2	Lĩnh vực môi trường	9.500





## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### • ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Việc tiêu thụ và xử lý hợp lý các chỉ tiêu môi trường như sử dụng điện, nước và hoạt động thu gom và xử lý rác thải đã được triển khai theo kế hoạch, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện một cách hiệu quả.

### • ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty đang hoàn thiện chính sách về lương, thưởng, phúc lợi và các chế độ đãi ngộ nhằm tạo điều kiện ổn định, phù hợp và công bằng, phản ánh đúng mức độ đóng góp và đồng hành của người lao động với Công ty. Song song với điều đó, Công ty luôn cam kết về môi trường làm việc an toàn, tôn trọng và chăm sóc sức khỏe, bảo đảm các quyền lợi của người lao động theo quy định pháp luật.

### • ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Ngoài việc tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đặt sự chú trọng và quan tâm đặc biệt vào các công việc xã hội, hỗ trợ cuộc sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, từ đó tạo ra những ảnh hưởng tích cực đối với kinh tế và môi trường xã hội trong cộng đồng. Công ty nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương, qua đó thực hiện tài trợ tài chính, đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn trong khu vực hoạt động của mình. Công ty cam kết tạo ra giá trị sống toàn diện hơn thông qua việc triển khai các chương trình hỗ trợ và phát triển, nhằm mục tiêu hướng tới sự phát triển bền vững của cộng đồng.





# 4

## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- 1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## • ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2023, Công ty đã duy trì và mở rộng nguồn vốn một cách bền vững, thực hiện toàn bộ các biện pháp nhằm bảo tồn vốn kết hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh. Cùng với đó, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, cũng như các quy định về quản lý tài chính, kế toán, dành phần dự phòng theo đúng quy định. Bên cạnh đó, Công ty vẫn luôn tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp đối với cộng đồng bằng cách tích cực tham gia các hoạt động xã hội theo các kêu gọi từ Liên đoàn Lao động tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, cụ thể như tham gia xây dựng nhà tình thương, tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, cũng như hỗ trợ tài chính cho các chương trình dành cho trẻ em khuyết tật, mồ côi và khó khăn.

## • ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Dựa trên Kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2023 và tuân theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông và người lao động, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một cách đầy đủ và nghiêm túc các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, áp dụng nhiều biện pháp hiệu quả nhằm tăng cường hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đồng thời tuân thủ các chính sách và pháp luật do Nhà nước quy định, trong quá trình quản lý và điều hành công ty, nhằm bảo vệ quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Qua đánh giá, Tổng Giám đốc và toàn bộ Ban điều hành đã triển khai và thực hiện một cách đầy đủ và nghiêm túc các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT. Họ tuân thủ chính sách và pháp luật theo quy định của Nhà nước trong việc quản lý và điều hành công ty, nhằm bảo vệ quyền lợi của cổ đông và người lao động, đồng thời tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty.

## • CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiếp tục chỉ đạo và phát triển kế hoạch đầu tư mở rộng, hướng dẫn việc tăng cường đầu tư vào máy móc, thiết bị và cải tiến công nghệ. Trọng tâm của sự chú trọng này đặc biệt là việc tập trung vào việc nghiên cứu và đầu tư vào các nhà máy cũng như hệ thống ống truyền nước lớn, mang tính liên kết và kết nối, nhằm nâng cao hạ tầng cung cấp nước cho Tỉnh Đồng Tháp nhằm mục tiêu mang lại nguồn thu và lợi nhuận chủ yếu cho Công ty, đồng thời đóng góp vào việc phát triển kinh tế và xã hội.

Tiếp tục duy trì và hoàn thiện việc tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển từ việc sử dụng nguồn nước ngầm sang nguồn nước mặt theo đúng lộ trình và các tiêu chí được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề ra cho đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, cũng như kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty.

Tăng cường việc dự báo và lập kế hoạch để nâng cao khả năng quản trị tài chính, tối ưu hóa sử dụng tài sản và hiệu quả đầu tư. Đồng thời, chỉ đạo việc tái cơ cấu toàn diện Công ty với mục tiêu tập trung vào các hoạt động cốt lõi có ý nghĩa kinh tế - xã hội như cung cấp nước và vệ sinh môi trường và mở rộng đầu tư hoặc hợp tác trong những lĩnh vực tiềm năng, không bị cấm bởi pháp luật.

Tập trung vào các hoạt động quan trọng khác như ứng dụng công nghệ số, tăng cường dự báo và xử lý thất thoát nước, mở rộng địa bàn cung cấp dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải, đầu tư và mở rộng kinh doanh các sản phẩm nước đóng chai, cũng như việc xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và tăng cường ý thức trách nhiệm và kỉ luật lao động đảm bảo Công ty vẫn duy trì được hoạt động ổn định và mang lại lợi ích cả về mặt kinh tế và xã hội.





# 5

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1 Hội đồng quản trị
- 2 Ban Kiểm soát
- 3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 02/04/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ (CP)		Tỷ lệ
			Đại diện	Cá nhân	
1	Ông Nguyễn Văn Để	Chủ tịch HĐQT	11.314.600	57.700	43,88%
2	Ông Trần Văn Tấn	Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	6.433.800	-	24,82%
3	Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	2.218.540	97.000	8,93%
4	Ông Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	2.218.540	52.600	8,76%

## GIỚI THIỆU HĐQT

### 1. ÔNG NGUYỄN VĂN ĐỂ Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh:** 1965
- Nơi sinh:** Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- Quá trình công tác:**
  - 05/2003 - 09/2005 Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp. Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư
  - 10/2005 - 04/2015 Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp. Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư
  - 05/2015 - 03/2017 Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp. Phó Tổng Giám đốc
  - 04/2017 - 09/2019 CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp. Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
  - 10/2021 đến nay CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp. Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**
  - Cá nhân: 57.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,22%
  - Đại diện: 11.314.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 43,66% (UBND Tỉnh Đồng Tháp)
  - Người có liên quan: 100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,39% (Vợ - Bà Trần Thị Thường)

Chi tiết tại sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT khác xem thông tin sơ yếu lý lịch tại Phần II - Thông tin Ban điều hành.

## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2023:

Không có

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo quy mô hoạt động, Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, các thành viên HĐQT cùng chỉ đạo và giám sát hoạt động theo năng lực chuyên môn của cá nhân với tinh thần và trách nhiệm cao nhất.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

- Hội đồng quản trị (HĐQT) đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ với vai trò hai tư cách là người đại diện phần vốn nhà nước và thành viên HĐQT một cách xuất sắc, luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện một cách xuất sắc các nhiệm vụ và bảo vệ các lợi ích hợp pháp của Công ty, cổ đông và người lao động. HĐQT đã thực hiện giám sát kỹ lưỡng, kiểm tra các hoạt động quản lý, tuyển dụng, quy hoạch, bố trí sắp xếp, luân chuyển, điều động, đào tạo, bổ nhiệm và điều chỉnh nhân sự, nhân lực theo kế hoạch, tuân thủ quy trình, quy định và phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất và kinh doanh tại Công ty.
- HĐQT đã theo dõi chặt chẽ tình hình thực tế, tận dụng một cách hiệu quả cơ sở vật chất hiện có và tối ưu hóa công suất hoạt động của các nhà máy để cung cấp nước sạch cho cư dân địa phương, quản lý và sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp một cách hiệu quả, đầu tư mở rộng mạng lưới cung cấp nước, cải thiện và tăng cường công suất của các nhà máy nước để đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng nước sạch cho cư dân trong Tỉnh Đồng Tháp.
- HĐQT đã liên tục chỉ đạo việc thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, số hoá và chuyển đổi số trong quản lý và vận hành hệ thống cung cấp nước, chăm sóc khách hàng và xử lý công việc. Nhờ vào việc này, Công ty duy trì được sự ổn định cần thiết, tận dụng được tối đa nguồn lực có sẵn, giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu suất hoạt động kinh doanh, cải thiện chất lượng dịch vụ và đạt được tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận qua từng năm.

## CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Để	Chủ tịch HĐQT	51/51	100%
2	Ông Trần Văn Tấn	Thành viên HĐQT	51/51	100%
3	Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	51/51	100%
4	Ông Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên HĐQT	51/51	100%





# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	99/NQ-HĐQT	05/01/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:            Điều chỉnh thời gian thực hiện Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước An Long;            Kết quả đánh giá E-HSDT của Tổ chuyên gia đấu thầu và Tổ thẩm định đấu thầu Gói thầu số 07, thuộc Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước An Long;            Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</p>	100%
2	100/NQ-HĐQT	11/01/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Toàn bộ nội dung dự thảo Báo cáo tài chính quý 4 năm 2022 của Công ty;</li> <li>Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển giai đoạn 2022-2027;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
3	101/NQ-HĐQT	03/02/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Dự thảo Thỏa ước lao động tập thể năm 2023;</li> <li>Chủ trương triển khai việc Quý tiền lương thực hiện năm 2022 của từng chi nhánh và Văn phòng Công ty;</li> <li>Chủ trương triển khai việc xây dựng Kế hoạch phấn đấu năm 2023; Chủ trương cho rà soát, điều chỉnh, bổ sung toàn bộ Điều lệ, Quy chế, Quy định, Quy trình, Nội quy Công ty nhằm phù hợp với thực tế và quy định hiện hành;</li> <li>Thời gian tổ chức Hội nghị Đại biểu Người lao động Công ty năm 2023;</li> <li>Chủ trương cho xây dựng giá điều chỉnh Giá bán nước sạch qua đồng hồ tổng (bán sỉ/bán buôn) cho các cơ sở cấp nước nông thôn trên địa bàn Tỉnh;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
4	102/NQ-HĐQT	10/02/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Bổ nhiệm lại Giám đốc Chi nhánh Dịch vụ Môi trường;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
5	103/NQ-HĐQT	17/02/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Đơn giá dịch vụ xử lý nước thải trình Sở Tài chính thẩm định;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	104/NQ-HĐQT	03/03/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và sử dụng lao động năm 2023, làm cơ sở báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;</li> <li>Kế hoạch phấn đấu, giao chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh năm 2023 giao từng đơn vị;</li> <li>Quý lương thực hiện năm 2022 của từng đơn vị;</li> <li>Đơn giá tiền lương kế hoạch và đơn giá tiền lương vượt kế hoạch của các chi nhánh Cấp nước năm 2023;</li> <li>Nguyên tắc xác định quỹ tiền lương thực hiện của các chi nhánh Cấp nước năm 2023;</li> <li>Ban hành chính thức giá bán nước sạch qua đồng hồ tổng (bán sỉ/bán buôn) cho các cơ sở cấp nước nông thôn trên địa bàn Tỉnh để thực hiện chủ trương chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
7	105/NQ-HĐQT	24/03/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chấp thuận đầu tư các công trình xây dựng theo đề nghị của địa phương trong quý I năm 2023;</li> <li>Chủ trương về các công trình còn lại theo đề nghị của địa phương trong quý I năm 2023;</li> <li>Kế hoạch và hỗ trợ kinh phí hoạt động của tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trực thuộc Đảng ủy Công ty;</li> <li>Kế hoạch an toàn vệ sinh lao động năm 2023;</li> <li>Đơn giá nhân công các công trình thực hiện lắp đặt ống và phụ tùng;</li> <li>Chủ trương về dự án xây dựng Trạm bơm tăng áp Tân Việt Hòa tại thành phố Cao Lãnh;</li> <li>Chủ trương điều chỉnh quy mô công trình Dự án tuyến ống chuyển tải từ Tân Dương đến thị trấn Lai Vung;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
8	106/NQ-HĐQT	29/03/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương việc đề xuất cả 02 Phương án giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh với Sở Tài chính và các sở ngành có liên quan thẩm định;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
9	107/NQ-HĐQT	31/03/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương việc vừa lập hồ sơ thủ tục, vừa tổ chức thi công di dời và chuyển mạng hệ thống cấp nước song song với việc thi công mở rộng Huyện lộ số 3 và đường ĐT855, trong khi hoàn tất các hồ sơ, thủ tục có liên quan theo quy định;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	108/NQ-HĐQT	19/04/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022, kế hoạch năm 2023 của người lao động và người quản lý làm cơ sở trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;</li> <li>• Chủ trương lựa chọn nhà cung cấp hóa chất xử lý nước cho các trạm cấp nước;</li> <li>• Chủ trương điều chỉnh thời gian, quy mô một số công trình;</li> <li>• Chủ trương kê khai, nộp tiền thuê đất của Khu đất trụ sở Văn phòng Công ty và Khu đất Chi nhánh nước đóng chai DOWASEN;</li> <li>• Chủ trương điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng công trình dự án tuyến ống chuyển tải từ Tân Dương đến thị trấn Lai Vung;</li> <li>• Chủ trương việc Công ty làm thủ tục xin thuê diện tích 7.000 m<sup>2</sup> trong khuôn viên Cụm Công nghiệp Quảng Khánh, nhằm mục đích đầu tư Nhà máy nước đóng chai DOWASEN và công trình khác phục vụ ngành nghề kinh doanh chính của Công ty;</li> <li>• Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước An Long;</li> <li>• Việc ghi nhận, sử dụng nguồn vốn của Công ty để thanh toán khoản tiền hỗ trợ, bồi thường cho trạm cấp nước sinh hoạt ấp Thượng mà Công ty đã tạm ứng cho ông Huỳnh Văn Huỳnh trước đó;</li> <li>• Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo đầu tư xây dựng cơ bản Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp;</li> <li>• Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính quý 1 năm 2023 của Công ty;</li> <li>• Chủ trương về tổ chức Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>• Chủ trương vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;</li> <li>• Không thuê tư vấn giám sát, mà Công ty tự tổ chức thực hiện trong quá trình đầu tư, giám sát đầu tư đối với 02 công trình di dời;</li> <li>• Việc mua sắm vật tư, thiết bị dự phòng với tổng mức đầu tư năm 2023;</li> <li>• Việc lập hồ sơ thủ tục đầu tư công trình mở rộng mạng lưới cấp nước sạch khu vực cồn Bạch Viên, thuộc xã Tân Nhuận Đông và xã An Nhơn, huyện Châu Thành;</li> <li>• Tạm lấp một số bồn tại Nhà máy nước Tân Dương để đáp ứng nhu cầu thiếu nước, sau khi Dự án Tân Dương thực hiện xong, sẽ điều chuyển đến các trạm, nhà máy khác phù hợp theo từng thời điểm;</li> <li>• Chủ trương thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng chức năng, chi nhánh trực thuộc Công ty.</li> <li>• Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	109/NQ-HĐQT	28/04/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bổ nhiệm lại Phó Trưởng Phòng Quản lý dự án Công ty;</li> <li>• Chủ trương bổ nhiệm lại một số chức danh khác;</li> <li>• Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
12	110/NQ-HĐQT	05/05/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kết quả đánh giá và đề nghị mức phân loại cán bộ lãnh đạo là Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp năm 2022 để Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đánh giá, xếp loại;</li> <li>• Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
13	111/NQ-HĐQT	05/05/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đánh giá tình hình hoạt động quý 1 và triển khai nhiệm vụ quý 2 năm 2023;</li> <li>• Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
14	112/NQ-HĐQT	13/06/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bổ nhiệm Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị Công ty;</li> <li>• Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
15	113/NQ-HĐQT	15/06/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dự thảo chương trình, tài liệu, kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;</li> <li>• Vay vốn Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp và sử dụng vốn của Công ty để đầu tư dự án cải tạo, nâng công suất nhà máy nước An Long;</li> <li>• Chủ trương sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của Dự án và tài sản sau làm tài sản thế chấp để vay vốn Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp;</li> <li>• Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
16	114/NQ-HĐQT	23/06/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chủ trương cho thay thế và kiểm định đồng hồ trong năm 2023;</li> <li>• Chủ trương điều chỉnh đơn giá nhân công lắp đặt đường ống và phụ tùng;</li> <li>• Chủ trương lấy ý kiến của các sở ngành có liên quan về việc xác định nguồn vốn của dự án và thẩm quyền, trách nhiệm lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ xây dựng một khu địa táng tại Ng-hĩa địa nhân dân thành phố Cao Lãnh;</li> <li>• Chủ trương điều chỉnh nội dung đầu tư công trình cải tạo mái che bể chứa nhà máy nước Đông Bình 2;</li> </ul>	100%



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	115/NQ-HĐQT	03/07/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tạm thời chưa cần bổ sung Công trình Cải tạo nâng cấp tuyến ống D160 cầu Sa Đéc 2 vào Danh mục kế hoạch cải tạo sửa chữa năm 2023;</li> <li>Việc điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 04, 05, 06 thuộc công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước An Long;</li> <li>Chủ trương sửa chữa nhà máy nước thải thành phố Cao Lãnh;</li> <li>Chủ trương điều chỉnh thời gian thực hiện hoàn thành của Công trình bổ sung hạng mục Nhà máy nước Tân Phú Trung;</li> <li>Chủ trương điều chỉnh thời gian thực hiện hoàn thành của Công trình Xây dựng nhà máy nước mặt Vĩnh Thạnh;</li> <li>Chủ trương điều chỉnh chủ trương đầu tư của Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt An Hiệp, công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm;</li> <li>Thành lập 03 Tổ Phòng chống thất thoát nước tương ứng với 03 chi nhánh cấp nước;</li> <li>Chủ trương về công tác nhân sự tại phòng chức năng và các chi nhánh trực thuộc;</li> <li>Chủ trương điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Khánh Mỹ</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul> <p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023 và chủ trương về công tác triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch;</li> <li>Hủy và làm mới lại toàn bộ các hồ sơ, thủ tục liên quan đến công tác đầu tư xây dựng cơ bản có liên quan;</li> <li>Chủ trương việc thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;</li> <li>Chủ trương chọn đơn vị thực hiện việc lấy mẫu, xét nghiệm và bảng dự trù kinh phí thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch theo Quy chuẩn địa phương trong 6 tháng cuối năm 2023;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
			<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương việc mua sắm vật tư, thiết bị dự phòng phục vụ công tác sản xuất cho các chi nhánh cấp nước năm 2023;</li> <li>Hồ sơ thiết kế mẫu và dự toán kinh phí dự trù của bồn lọc áp lực và bồn lắng đứng;</li> <li>Chủ trương cải tạo tầng mái Văn phòng Công ty;</li> <li>Bảng dự trù số lượng hóa chất phục vụ sản xuất nước trong tháng 8 năm 2023 theo kiến nghị của Tổng Giám đốc;</li> </ul>	

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
18	116/NQ-HĐQT	19/07/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>Toàn bộ các bước tổ chức thực hiện, nội dung phân công thực hiện và ký các văn bản, thủ tục có liên quan, theo cơ chế ủy quyền của tập thể đối với cá nhân, trong việc mua sắm 02 xe ép rác, thuộc Kế hoạch mua sắm bổ sung năm 2023;</li> <li>Chủ trương mua thép tấm, inox tấm phục vụ sửa chữa thường xuyên các xe ép rác của Chi nhánh Dịch vụ Môi Trường theo kiến nghị của Tổng Giám đốc;</li> <li>Chủ trương đầu tư công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Đông Bình 2 theo kiến nghị của Tổng Giám đốc;</li> <li>Chủ trương điều chỉnh quy mô, giá trị và thời gian thực hiện của Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Trần Quốc Toản theo kiến nghị của Tổng Giám đốc;</li> <li>Chủ trương cải tạo, nâng cấp tuyến ống HDPE D250 cầu Hòa Khánh, tại Phường 2, thành phố Sa Đéc theo kiến nghị của Tổng Giám đốc;</li> <li>Toàn bộ nội dung Dự thảo báo cáo tài chính quý 2 năm 2023;</li> <li>Chủ trương điều chỉnh thông số kỹ thuật công trình Tuyến ống D168 từ NMN Bình Thành đến thị trấn Lấp Vò giai đoạn 2 và làm các thủ tục chuẩn bị đầu tư, để lấy ý kiến UBND Tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023 (lần 2);</li> <li>Chủ trương cho lập thủ tục chuẩn bị đầu tư công trình Tuyến ống cung cấp cho cụm dân cư Cỏ Nổ, tại xã Phú Thành B, để lấy ý kiến UBND Tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023 (lần 2);</li> <li>Chủ trương điều chỉnh thời gian thực hiện của Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Mỹ Hiệp từ năm 2021-2022 thành năm 2021-2023;</li> <li>Tham gia đấu giá đấu thuê quyền sử dụng đất tại Cụm công nghiệp – Dịch vụ thương mại Trường Xuân để xây dựng Nhà máy nước mặt;</li> <li>Chủ trương di dời trước mắt cụm xử lý gồm 03 lắng đứng và 03 bồn lọc (01 bồn lớn và 02 bồn nhỏ) hiện có tại Nhà máy nước mặt Đông Bình về Trạm Mỹ An nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết của người dân trên địa bàn huyện Tháp Mười;</li> <li>Chủ trương di dời 03 bồn lọc giếng của Trạm cấp nước An Long về và lắp bổ sung thêm bồn lắng tại Trạm cấp nước Tràm Chim, để đủ nước phục vụ cho người dân;</li> <li>Chủ trương lắp thêm bồn lọc xử lý hữu cơ tại Trạm Cấp nước Bình Phú, nhằm đảm bảo chất nước phục vụ người dân theo quy định;</li> <li>Chủ trương về việc giải quyết vướng mắc, khó khăn trong công tác quyết toán, lựa chọn đơn vị tư vấn liên quan đến công tác đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
19	117/NQ-HĐQT	20/07/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương và triển khai thực hiện công tác hồi nợ sau khi phê duyệt quyết toán 05/05</li> <li>theo Kết Luận số 125/KL-TTr;</li> <li>Giao khoán giá trị nhân công và máy thi công của Công trình Nâng cấp, mở rộng và hệ thống thoát nước Đường Trần Phú, tại phường An Lộc, thành phố Hồng Ngự;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
20	118/NQ-HĐQT	28/07/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương lựa chọn chủng loại và số lượng mua của từng loại hóa chất trong tháng 8 năm 2023;</li> <li>Chủ trương đầu tư 02 công trình thuộc Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023 theo kiến nghị của Tổng Giám đốc;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
21	119/NQ-HĐQT	02/08/2023	Phê chuẩn nội dung có liên quan đến việc giới thiệu nhân sự bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%
22	120/NQ-HĐQT	08/08/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương đầu tư Tuyến ống cấp nước đường D-01 nối từ CCN Quảng Khánh đến QL30 tuyến tránh thành phố Cao Lãnh;</li> <li>Chủ trương cho phép thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;</li> <li>Chủ trương điều chỉnh quy mô và giá trị đầu tư của Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Đông Bình 2;</li> <li>Chủ trương mua sắm, trang bị mới một số van một chiều để thay thế và dự phòng cho các Nhà máy nước trực thuộc;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
23	121/NQ-HĐQT	10/08/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phê chuẩn các nội dung sau:</li> <li>Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và chủ trương về phương hướng, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2023;</li> <li>Chủ trương giải quyết một số kiến nghị, đề xuất của các đơn vị trực thuộc;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
24	122/NQ-HĐQT	21/08/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương lựa chọn 03 bơm ly tâm trục ngang, phục vụ công tác vận hành đồng bộ tại trạm bơm cấp 2, Nhà máy nước Khu Công nghiệp C;</li> <li>Chủ trương trám lấp 06 giếng khoan khai thác đã ngưng sử dụng trên địa bàn thành phố Sa Đéc và huyện Lấp Vò;</li> <li>Kinh phí mua sắm các bồn lọc áp lực cho nhà máy nước Bình Phú;</li> <li>Kinh phí di dời cụm xử lý từ Nhà máy nước mặt Đông Bình về Trạm Mỹ An;</li> <li>Chủ trương và phê duyệt kinh phí trang bị các đồng hồ lưu lượng cho các nhà máy nước thuộc Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền;</li> <li>Chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
25	123/NQ-HĐQT	29/08/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương làm thủ tục điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư phát triển (Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản lớn) năm 2023 (lần 2);</li> <li>Chủ trương lựa chọn nhà cung ứng HDPE và ống PVC đối với từng công trình là tuyến ống, thuộc Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023;</li> <li>Chủ trương tiếp tục tổ chức mua sắm hóa chất xử lý nước trong tháng 9 năm 2023;</li> <li>Chủ trương và kế hoạch sửa chữa lò hỏa táng số 02;</li> <li>Chủ trương lập dự toán mẫu với định mức vật tư, nhân công theo định mức nhà nước theo quy định hiện hành;</li> <li>Chủ trương làm song song thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản và thủ tục đánh giá tác động môi trường đối với Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Đông Bình 2;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
26	124/NQ-HĐQT	12/09/2023	Phê chuẩn Danh sách nhân sự quy hoạch (rà soát, bổ sung năm 2023) các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Công ty và tương đương, giai đoạn 2022-2027.	100%
27	125/NQ-HĐQT	19/09/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kế hoạch chia trả cổ tức năm 2022;</li> <li>Toàn bộ các bước tổ chức thực hiện, nội dung phân công thực hiện và ký các văn bản, thủ tục có liên quan, theo cơ chế ủy quyền của tập thể đối với cá nhân, trong việc tổ chức đấu thầu gói thầu: Cung cấp, lắp đặt cụm xử lý nước mặt với công suất: 5.000 m3/ngày đêm, thuộc công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Đông Bình 2, thuộc Kế hoạch Đầu tư phát triển năm 2023;</li> </ul>	



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
27	125/NQ-HĐQT	19/09/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện công trình Di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng công trình Đường Gom khóm Mỹ Thuận, bằng hình thức cải tạo sửa chữa;</li> <li>Chủ trương mua sắm vật tư, thiết bị cải tạo hệ thống lọc của cụm xử lý 3,5 m<sup>3</sup>/h thành cụm xử lý 6 m<sup>3</sup>/h;</li> <li>Chủ trương mua sắm vật tư, thiết bị điện điều khiển Trung tâm PLC cho Nhà máy nước Khu Công nghiệp C;</li> <li>Chủ trương mua sắm cảm biến độ đục phục vụ công tác sản xuất nước của Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền;</li> <li>Chủ trương chi và mức chi quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2022;</li> <li>Chủ trương triển khai thực hiện hợp đồng điện tử tại Công ty;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
28	126/NQ-HĐQT	20/09/2023	Phê chuẩn nội dung liên quan đến việc miễn nhiệm cán bộ thuộc thẩm quyền.	100%
29	127/NQ-HĐQT	29/09/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu: Mua sắm 02 xe ép rác (tải trọng cho phép 6 tấn/xe);</li> <li>Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Đông Bình 2, thuộc Kế hoạch Đầu tư phát triển năm 2023;</li> <li>Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống D220 đường Tràm Dơi (từ Quốc lộ 30 đến cây xăng Lê Hoàng) + Tuyến ống D114 đường tuyến dân cư Mỹ Thọ (từ đường Tràm Dơi đến cống Trạm Bơm), thuộc Kế hoạch Đầu tư phát triển năm 2023;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
30	128/NQ-HĐQT	05/10/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương đầu tư công trình Di dời tuyến ống cấp nước đường Huyện lộ Phan Văn Bảy, tại thị trấn Lai Vung;</li> <li>Chủ trương đầu tư công trình Cải tạo, sửa chữa lắp đặt tuyến ống HDPE D315 qua cầu Nguyễn Tất Thành, tại thành phố Hồng Ngự;</li> <li>Chủ trương đầu tư công trình Cải tạo tuyến ống cấp nước đường ĐH 70 (đoạn từ cầu Đồn Điền đến cầu đình Cai Châu), tại xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò;</li> <li>Chủ trương đầu tư đầu tư trang bị 03 bồn lắng và 02 bồn lọc áp lực cho nhà máy nước mặt Tân Dương, huyện Lai Vung;</li> <li>Chủ trương đầu tư đầu tư trang bị 03 bồn lắng đứng cho nhà máy nước mặt Tràm Chim, huyện Tam Nông;</li> </ul>	

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung dự thảo phân công nhiệm vụ của Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc Công ty của Tổng Giám đốc;</li> <li>Cử bổ sung 01 Thư ký Hội đồng quản trị;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
31	129/NQ-HĐQT	09/10/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý;</li> <li>Kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với cán bộ quản lý;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
32	130/NQ-HĐQT	10/10/2023	Phê chuẩn báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống D160 từ Trạm cấp nước Long An, xã Long Thắng đến UBND xã Tân Phú Trung.	100%
33	131/NQ-HĐQT	16/10/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương sửa chữa nhà máy nước thải thành phố Cao Lãnh năm 2023;</li> <li>Chủ trương đầu tư lắp đặt bổ sung 01 máy bơm nước thô cho nhà máy nước mặt Mỹ Hiệp;</li> <li>Chủ trương di dời tuyến ống cấp nước đường Cái Xếp - Hang Mai (bờ Đông) tại xã An Nhơn, huyện Châu Thành;</li> <li>Chủ trương đầu tư mua máy chủ (server) để vận hành và quản lý dữ liệu phần mềm quản lý khách hàng CRM của Công ty;</li> <li>Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình tuyến ống D160 từ trạm cấp nước ấp Long An, xã Long Thắng đến UBND xã Tân Phú Trung;</li> <li>Chủ trương mua sắm, cung cấp hóa chất phục vụ sản xuất nước cho 03 tháng cuối năm 2023;</li> <li>Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình tuyến ống D220 đường Tràm Dơi (từ QL30 đến cây xăng Lê Hoàng) + Tuyến ống D114 đường tuyến dân cư Mỹ Thọ (từ đường Tràm Dơi đến cống Trạm Bơm);</li> <li>Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình cải tạo nâng công suất nhà máy nước mặt Đông Bình 2;</li> <li>Chủ trương giao thầu thi công các công trình thuộc kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2023 (gói thầu tự thực hiện trong năm 2023-2024) cho các chi nhánh;</li> <li>Chủ trương giao thầu 02 công trình cho Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiền;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%





# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
34	132/NQ-HĐQT	25/10/2023	Phê chuẩn việc điều động, bổ nhiệm một số cán bộ.	100%
35	133/NQ-HĐQT	25/10/2023	Phê chuẩn các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023;</li> <li>Nội dung chỉ đạo và phương hướng nhiệm vụ các tháng cuối năm 2023;</li> <li>Chủ trương đầu tư công trình Lắp đặt tuyến ống HDPE D225, D63 đường Nguyễn Tất Thành (từ đường Nguyễn Sinh Sắc đến Quốc lộ 80) thuộc Phường 2, thành phố Sa Đéc;</li> <li>Điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Khánh Mỹ (điều chỉnh lần 2);</li> <li>Chủ trương thi công công trình Di dời tuyến ống cấp nước đường Nguyễn Văn Sớm (từ cống ông Sùng - Sáu Cửa) xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
36	134/NQ-HĐQT	30/10/2023	Phê chuẩn việc điều động, bổ nhiệm, bố trí, sắp xếp một số cán bộ.	100%
37	136/NQ-HĐQT	02/11/2023	Phê chuẩn các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương và nội dung chỉ đạo thực hiện liên quan đến công tác thu hồi nợ sau khi phê duyệt quyết toán theo Kết luận thanh tra số 125/KL-TT;</li> <li>Chủ trương thi công Công trình Di dời tuyến ống cấp nước đường Mai Văn Khải (Đoạn từ cầu Bà Vại - cầu Ba Sao) xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh; Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
38	136/NQ-HĐQT	30/10/2023	Phê chuẩn các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương về giá trị giao thầu thi công; bảng tổng hợp nhân công và ca máy đối với 03 công trình tuyến ống cấp nước thuộc Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 tại Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiền và Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền;</li> <li>Chủ trương thực hiện trước các bước khảo sát, xác lập thỏa thuận trước khi thực hiện hoàn tất các thủ tục đầu tư mua sắm, nhận chuyển nhượng theo quy định đối với trạm cấp nước An Phong Mỹ Hòa, thuộc xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình, do Công ty TNHH MTV Hải Dương Đồng Tháp sở hữu;</li> </ul>	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương và phương án chuyển đổi thử nghiệm Clo bột;</li> <li>Chủ trương chi tiền ăn giữa ca cho người lao động, người quản lý Công ty năm 2023;</li> <li>Chủ trương thi công Công trình Di dời tuyến ống cấp nước đường Phạm Hữu Lầu (đoạn từ cầu Tân Việt Hòa - ngã tư Tân Việt Hòa), phường 6, thành phố Cao Lãnh;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
39	137/NQ-HĐQT	06/11/2023	Phê chuẩn việc điều động cán bộ quản lý.	100%
40	138/NQ-HĐQT	06/11/2023	Phê chuẩn việc điều động, bổ nhiệm một số cán bộ quản lý.	100%
41	139/NQ-HĐQT	14/11/2023	Phê chuẩn các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023 (lần 2), theo đó Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023;</li> <li>Cơ cấu nguồn vốn, kinh phí dự kiến năm 2023 để đầu tư, triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023;</li> <li>Chủ trương về giá trị giao thầu thi công; bảng tổng hợp nhân công và ca máy đối với 03 công trình tuyến ống cấp nước tiếp theo thuộc Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023, Công ty giao Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền và Chi nhánh Dịch vụ Môi trường thi công; Chủ trương mua sắm mới bơm chìm hòa tiền phục vụ trực tiếp công tác sản xuất nước tại Trạm cấp nước Trường Xuân;</li> <li>Chủ trương mua sắm vật tư, thiết bị dự phòng phục vụ công tác sản xuất nước theo kiến nghị của Tổng Giám đốc;</li> <li>Phê duyệt toàn bộ E-HSMT Gói thầu số 05: Cung cấp, lắp đặt cụm xử lý nước mặt công suất 2x2.500m<sup>3</sup>/ngđ, thuộc Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Đông Bình 2;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
42	140/NQ-HĐQT	17/11/2023	Phê chuẩn các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương hỗ trợ tiền nộp thuế cho Công ty TNHH Dịch vụ nông nghiệp Huỳnh Kiệt;</li> <li>Chủ trương cải tạo bể lắng bùn trạm cấp nước Thanh Bình;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
			Phê chuẩn các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chưa thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước ("KTNN") từ niên độ năm 2021 trở về trước;</li> </ul>	



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
43	141/NQ-HĐQT	24/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phân công ký duyệt hồ sơ thanh toán và quyết toán 05 công trình nhằm hoàn tất công tác tổ chức thực hiện theo kiến nghị của Thanh tra Tỉnh tại Kết luận số 125/KL-TTr;</li> <li>Chủ trương thu hồi giá trị ca máy Công trình Bổ sung hạng mục Nhà máy nước Tân Phú Trung liên quan đến công tác tổ chức thực hiện theo kiến nghị của Thanh tra Tỉnh tại Kết luận số 125/KL-TTr;</li> <li>Chủ trương hỗ trợ kinh phí xây dựng 01 “Mái ấm Dowasen” năm 2023 cho ông Nguyễn Minh Hoàng hiện đang là công nhân thu gom rác tại khu vực Lấp Vò, thuộc Chi nhánh Dịch vụ Môi trường theo quy định tại Thỏa ước lao động tập thể;</li> <li>Chủ trương phân công nhân sự phụ trách Khu vực tại Chi nhánh Dịch vụ Môi trường;</li> <li>Chủ trương thi công Công trình Tuyến ống D110, D60 Nhà ở công vụ, tại Phường Mỹ Phú;</li> <li>Chủ trương thực hiện và phương án, kiến trúc cải tạo Hội trường Văn phòng Công ty trong năm 2023;</li> <li>Chủ trương đầu tư trang bị bổ sung 01 bồn lắng đứng cho nhà máy nước mặt Tân Dương;</li> <li>Chủ trương mua sắm thùng rác mới phục vụ công tác vệ sinh môi trường 6 tháng đầu năm 2024 và công tác lập hồ sơ đấu thầu ở các địa phương trong năm 2024;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
44	142/NQ-HĐQT	27/11/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Danh mục sửa chữa các tuyến ống cấp nước cấp thiết còn lại trong năm 2023;</li> <li>Chủ trương điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng công trình Dự án tuyến ống chuyển tải từ Tân Dương đến thị trấn Lai Vung;</li> <li>Chủ trương mua sắm trang bị 01 (một) máy bơm chìm nước thô 3P-380V-22Kw cho trạm bơm cấp 1 Nhà máy nước Tân Dương;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
45	143/NQ-HĐQT	06/12/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương và nội dung chỉ đạo tổ chức thực hiện đối với các công trình thuộc Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023;</li> <li>Chủ trương giá trị giao thầu thi công; bảng tổng hợp nhân công và ca máy giao khoán đối với Công trình Mở rộng mạng lưới cấp nước tại các xã Bình Thành, xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò giai đoạn 2;</li> <li>Dự toán mua sắm 02 xe ép rác (tải trọng cho phép 06 tấn/xe) thuộc Kế hoạch mua sắm bổ sung năm 2023;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
46	144/NQ-HĐQT	06/12/2023	<p>Phê chuẩn về công tác tổ chức, điều động, bố trí, bổ nhiệm cán bộ quản lý của Chi nhánh Nước đóng chai DOWASEN và Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền.</p>	100%
47	145/NQ-HĐQT	14/12/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm 02 xe ép rác (tải trọng cho phép 06 tấn/xe);</li> <li>Chủ trương điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt An Hiệp, công suất 1.500 m3/ngày đêm;</li> <li>Chủ trương chi bổ sung tiền đồng phục năm 2023;</li> <li>Chủ trương thực hiện cải tạo sửa chữa công trình Hội trường Văn phòng Công ty;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
48	146/NQ-HĐQT	20/12/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương đầu tư trang bị mới các bộ tấm lắng lamen nhằm lắp đặt cho cụm xử lý Nhà máy nước mặt huyện Cao Lãnh và Nhà máy nước mặt Mỹ An;</li> <li>Chủ trương phê duyệt Hồ sơ yêu cầu mua sắm trực tiếp Gói thầu: Mua sắm 02 xe ép rác (tải trọng cho phép 06 tấn/xe);</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
49	147/NQ-HĐQT	21/12/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương đầu tư trang bị mới các máy bơm ly tâm;</li> <li>Chủ trương thực hiện cải tạo, sửa chữa trạm bơm cấp 2;</li> <li>Chủ trương giải quyết công tác vận hành, sản xuất nước của Chi nhánh Cấp nước Đông Bắc Sông Tiền, Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền trong dịp Tết nguyên đán Giáp Thìn năm 2024;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%
50	148/NQ-HĐQT	26/12/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương tiếp tục thực hiện thủ tục phê duyệt điều chỉnh BCKTKT và thanh toán các công trình xây dựng cơ bản tồn đọng;</li> <li>Chủ trương điều chỉnh giá trị đầu tư mua máy chủ để vận hành và quản lý dữ liệu phần mềm quản lý khách hàng CRM của Công ty;</li> <li>Chủ trương mua sắm các biển tần cho Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền;</li> <li>Chủ trương mua hóa chất xử lý nước quý 1 năm 2024;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
51	149/NQ-HĐQT	29/12/2023	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ trương đầu tư trang bị mới đồng hồ lưu lượng, máy bơm rửa lọc và các vật tư điện nhằm lắp đặt cho Nhà máy nước mặt Mỹ An;</li> <li>Chủ trương thi công di dời hệ thống cấp nước tuyến Ngã Cũ Nghịch ấp Hòa Ninh, xã Long Thắng, huyện Lai Vung;</li> <li>Chủ trương đầu tư trang bị mới các máy đo độ đục, máy đo clo dư cầm tay và bơm định lượng dự phòng cho nhà máy nước tại các Chi nhánh trực thuộc Công ty;</li> <li>Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với Gói thầu: Mua sắm 02 xe ép rác (tải trọng cho phép 06 tấn/xe);</li> <li>Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp và Dự thảo Quy chế chi tiêu, sử dụng của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp;</li> <li>Số liệu, nội dung dự thảo báo cáo kết quả hoạt động của Công ty năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024;</li> <li>Kế hoạch dự kiến chi tiền lương, thưởng cho người lao động nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024;</li> <li>Kế hoạch Công đoàn cơ sở Công ty về việc chăm lo cho đoàn viên, người lao động nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024;</li> <li>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</li> </ul>	100%

**HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP:** Không có

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:** Không có



## BAN KIỂM SOÁT

### THÀNH VIÊN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày: 02/04/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	41.000	0,16%
2	Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	-	-
3	Bà Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	1.000	0,004%

### GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



#### BÀ NGUYỄN THỊ THU TRANG

Trưởng Ban Kiểm soát

- Năm sinh:** 1968
- Nơi sinh:** Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế Thương nghiệp
- Quá trình công tác:**

12/1991 - 10/1990	Công ty Vận tải biển Đồng Tháp	Nhân viên kế toán
10/1996 - 03/2003	Công ty Cấp nước Đồng Tháp	Nhân viên kế toán
03/2003 - 09/2006	Công ty Cấp nước Đồng Tháp	Phó phòng Tài vụ
09/2006 - 03/2017	Công ty TNHH Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Kiểm soát viên
03/2017 đến nay	CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Trưởng Ban Kiểm Soát
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**  
**Cá nhân:** 41.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,16%



## BAN KIỂM SOÁT

### GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

# 2

#### ÔNG NGUYỄN THANH HỒNG

Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh

- Năm sinh:** 1982
- Nơi sinh:** Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:**

2011 - 03/2018	Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Nhân viên phòng Kế toán
04/2018 - 06/2018	CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh
06/2018 đến nay	CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** Không có

# 3

#### BÀ ĐÌNH THỊ THANH THÚY

Tổ phó Tổ kỹ thuật, Phòng kỹ thuật kiêm thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh:** 1984
- Nơi sinh:** Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn:** Đại học Xây dựng
- Quá trình công tác:**

04/2006 - 05/2014	Chi nhánh Xây lắp và Vật tư trực thuộc CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Nhân viên Phòng kỹ thuật
06/2014 - 03/2019	Chi nhánh Xây lắp và Vật tư trực thuộc CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Phó phòng Phòng kỹ thuật
04/2019 - 07/2019	Chi nhánh Xây lắp và Vật tư trực thuộc CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Nhân viên Phòng kỹ thuật
07/2019 đến nay	CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Tổ phó Tổ kỹ thuật, Phòng kỹ thuật
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

**Cá nhân:** 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,004%

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

#### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

- BKS làm việc theo nguyên tắc độc lập, tổ chức thẩm định, rà soát, giám sát, kiểm tra các nội dung, đối tượng thuộc thẩm quyền đúng quy định pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý Công ty và các quy định khác có liên quan.
- BKS luôn tiếp xúc, lắng nghe, hướng dẫn, kiểm tra và giải đáp nhiều nội dung khi các cổ đông có yêu cầu đúng theo chức trách nhiệm vụ theo quy định, tham dự các cuộc họp HĐQT, mở rộng giao ban định kỳ và có nhiều đóng góp ý kiến khách quan, tích cực cho Công ty.
- Tất cả nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các nghị quyết khác đều được BKS tập hợp theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá tốt về tính pháp lý, cũng như đánh giá tốt hiệu quả thực hiện tại Công ty.

#### CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	7/7	100%
2	Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	7/7	100%
3	Đình Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	7/7	100%

#### KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

- Ban kiểm soát (BKS) thực hiện công việc theo nguyên tắc độc lập, tổ chức thẩm định, rà soát, giám sát và kiểm tra các nội dung, đối tượng trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý Công ty và các quy định liên quan khác.
- BKS duy trì liên lạc chặt chẽ, lắng nghe ý kiến, hướng dẫn, kiểm tra và giải đáp các yêu cầu từ cổ đông theo trách nhiệm và nhiệm vụ quy định, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), mở rộng giao ban định kỳ và đóng góp ý kiến mang tính khách quan, mang lại lợi ích tích cực cho Công ty.
- BKS thực hiện việc tập hợp, theo dõi, kiểm tra và giám sát mọi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), HĐQT và các nghị quyết khác, đánh giá tính pháp lý cũng như hiệu quả của việc thực hiện tại Công ty.





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

### LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2023
<b>Thu nhập từ tiền lương, thưởng, phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty</b>				
1	Nguyễn Văn Để	Chủ tịch HĐQT	738.393.531	645.591.063
2	Trần Văn Tấn	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	543.563.345	587.360.064
3	Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	629.148.776	542.138.043
4	Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	628.348.776	542.338.043
5	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	564.973.225	490.619.248
6	Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	244.970.598	206.027.850
7	Đình Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	274.120.551	242.753.427
8	Hoàng Quốc Hưng	Kế toán trưởng	583.602.551	507.187.270
<b>Tổng cộng</b>			<b>3.764.015.007</b>	<b>4.207.121.352</b>
<b>Thù lao của Ban Kiểm soát</b>				
1	Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
2	Đình Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>108.000.000</b>	<b>108.000.000</b>

### GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
Nguyễn Anh Dũng	Người nội bộ	8.000	0,0309	117.000	0,45	Tăng số cổ phần

### HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

- **Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:** Không có
- **Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:** Không có
- **Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:** Không có

### ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người lao động và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các chính sách pháp luật, tuân thủ việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã được đăng ký và cấp phép. Đồng thời, tuân thủ chặt chẽ các quy định, định hướng chỉ đạo từ cấp thẩm quyền cũng như từ các sở, ban ngành trong tỉnh.





# 6

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

- 1 Ý kiến kiểm toán
- 2 Báo cáo tài chính được kiểm toán



# Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Số: 013 /2024/UHYHCM-BCKTDL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2024, từ trang 7 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



**Phan Thanh Điền**  
Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1496-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024*

**Nguyễn Thị Tuyết Hoa**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 3558-2021-112-1



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>145.488.644.352</b>	<b>119.197.018.630</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	43.512.582.978	33.602.809.757
Tiền	111		43.512.582.978	33.602.809.757
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.500.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	10.500.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.336.892.282	45.102.138.290
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	35.776.044.701	27.894.810.593
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.987.159.364	2.501.787.670
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	18.676.281.895	17.776.184.683
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7,8	(4.102.593.678)	(3.070.644.656)
Hàng tồn kho	140	10	35.261.030.091	30.492.070.583
Hàng tồn kho	141		35.261.030.091	30.492.070.583
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.878.139.001	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2.878.139.001	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>926.445.612.577</b>	<b>952.556.668.524</b>
Tài sản cố định	220		426.881.932.566	426.802.206.275
Tài sản cố định hữu hình	221	11	426.277.700.459	426.197.974.168
- Nguyên giá	222		900.088.505.827	841.952.361.966
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(473.810.805.368)	(415.754.387.798)
Tài sản cố định vô hình	227	12	604.232.107	604.232.107
- Nguyên giá	228		1.550.263.743	1.550.263.743
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(946.031.636)	(946.031.636)
Tài sản dở dang dài hạn	240		477.594.596.342	509.251.913.169
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	477.594.596.342	509.251.913.169
Đầu tư tài chính dài hạn	250		84.040.000	84.040.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	84.040.000	84.040.000
Tài sản dài hạn khác	260		21.885.043.669	16.418.509.080
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	21.885.043.669	16.418.509.080
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.071.934.256.929</b>	<b>1.071.753.687.154</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>721.490.611.652</b>	<b>738.920.492.707</b>
Nợ ngắn hạn	310		138.646.819.266	614.628.830.189
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	16.689.334.897	15.605.699.671
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.824.656.121	2.139.661.934
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	6.243.329.357	5.321.731.042
Phải trả người lao động	314		36.038.870.615	31.858.449.764
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.471.368.946	6.824.711.110
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	9.302.481.779	477.011.009.004
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	62.684.997.551	74.197.798.664
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	47.419.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		391.780.000	1.622.350.000
Nợ dài hạn	330		582.843.792.386	124.291.662.518
Phải trả dài hạn khác	337	19	490.124.166.785	24.551.981.321
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	76.889.811.071	87.520.166.711
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		15.829.814.530	12.219.514.486
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>350.443.645.277</b>	<b>332.833.194.447</b>
Vốn chủ sở hữu	410	21	350.443.645.277	332.833.194.447
Vốn góp của chủ sở hữu	411		259.181.300.000	259.181.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		259.181.300.000	259.181.300.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		48.147.515.644	37.217.067.585
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.114.829.633	36.434.826.862
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		43.114.829.633	36.434.826.862
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.071.934.256.929</b>	<b>1.071.753.687.154</b>

Tp. Cao Lãnh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Lý Thu Cúc

Kế toán trưởng

Hoàng Quốc Hưng

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tấn





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>453.194.028.131</b>	<b>417.484.531.801</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	64.336.323	296.768.182
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>453.129.691.808</b>	<b>417.187.763.619</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	311.547.013.773	292.241.011.940
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>141.582.678.035</b>	<b>124.946.751.679</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	656.138.752	507.678.334
Chi phí tài chính	22	25	7.441.577.110	6.566.873.533
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>7.441.577.110</i>	<i>6.566.873.533</i>
Chi phí bán hàng	25	26	38.383.999.526	35.999.797.222
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	49.978.165.272	43.421.343.766
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>46.435.074.879</b>	<b>39.466.415.492</b>
Thu nhập khác	31	27	2.931.164.038	2.573.997.898
Chi phí khác	32	28	511.972.868	406.843.962
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.419.191.170</b>	<b>2.167.153.936</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>48.854.266.049</b>	<b>41.633.569.428</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	5.739.436.416	5.198.742.566
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>43.114.829.633</b>	<b>36.434.826.862</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>1.218</b>	<b>1.012</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>32</b>	<b>1.218</b>	<b>1.012</b>

Tp. Cao Lãnh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Lý Thu Cúc

Kế toán trưởng

Hoàng Quốc Hưng

Phòng Giám đốc



Trần Văn Tấn

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>48.854.266.049</b>	<b>41.633.569.428</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		57.905.961.979	53.705.130.395
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	03		984.530.022	512.109.031
	05		(395.200.331)	(904.913.815)
Chi phí lãi vay	06		7.441.577.110	6.566.873.533
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	2.325.922.038
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>114.791.134.829</b>	<b>103.838.690.610</b>
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(10.473.197.971)	922.273.727
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(3.227.485.463)	(46.126.798.685)
Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.185.951.448	3.503.202.787
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(5.466.534.589)	(167.105.413)
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.458.061.051)	(6.546.095.808)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.445.539.523)	(5.840.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.660.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.493.912.103)	(4.980.386.174)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>75.463.015.577</b>	<b>44.603.781.045</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(27.983.573.391)	(31.167.677.199)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		34.909.091	1.650.463.637
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	(2.500.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		330.275.397	444.501.622
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(28.118.388.903)</b>	<b>(31.572.711.940)</b>



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		101.938.842.887	112.529.352.875
Tiền trả nợ gốc vay	34		(124.081.999.640)	(110.286.586.308)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.291.696.700)	(14.773.334.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(37.434.853.453)</b>	<b>(12.530.567.533)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>9.909.773.221</b>	<b>500.501.572</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>33.602.809.757</b>	<b>33.102.308.185</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>43.512.582.978</b>	<b>33.602.809.757</b>

Tp. Cao Lãnh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lý Thu Cúc

Hoàng Quốc Hưng

Trần Văn Tấn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 26/04/2017 theo Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17/03/2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 259.181.300.000 đồng chia thành 25.918.130 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Tổng số người lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 766 người (tại ngày 31/12/2022 là 742 người).

#### 1.2. LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, cung cấp nước sạch, thu gom rác thải và các dịch vụ môi trường, tư vấn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

#### 1.3. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật tư xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ địa táng, hỏa táng và các dịch vụ kèm theo có liên quan;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Vệ sinh chung nhà cửa. Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Chăm sóc hoa kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; lập báo cáo giám sát, quan trắc nước và môi trường; lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước, quản lý tài sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình; Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán nước uống đóng chai, đóng bình;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom và vận chuyển rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu, đường;



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

### 1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)

- Xây dựng công trình cấp thoát nước. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước. Xây dựng đường ống và hệ thống đường nước, như: Hệ thống thủy lợi (kênh); Hồ chứa... Xây dựng công trình cửa, như: Hệ thống thoát nước thải, bao gồm cả sửa chữa; Nhà máy xử lý nước thải; Trạm bơm. Khoan nguồn nước;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom và vận chuyển rác thải không độc hại;
- Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng nhà để ô. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công ích khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công ích khác. Xây dựng công trình, hệ thống xử lý rác thải độc hại và không độc hại. Xây dựng công trình, hệ thống xử lý nước thải độc hại và không độc hại. Xây dựng công trình xử lý bùn. Xây dựng các công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm. Chi tiết: Vườn ươm cây;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cống, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cống, thoát nước;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt. Chi tiết: Dịch vụ rút hầm cầu;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm. Chi tiết: Vườn ươm cây;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển, đi đò, đò đạ cơ quan, gia đình, công trình xây dựng, vận chuyển phế liệu xây dựng;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.

### 1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty có chu kỳ quay vòng thường xuyên và liên tục trong tháng.

### 1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý rác thải. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, đơn giá thu gom rác thải, thuế tài nguyên, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### 1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm:

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

### 1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiên	Số 207b, Trần Hưng Đạo, Phường 1, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước Bắc Sông Tiên	Số 01, Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiên	Quốc lộ 30, Phường An Lộc, Thành phố Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Dịch vụ Môi trường	Số 15/4, Quốc lộ 30, P. Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Nước Đóng chai Dowasen	Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

### 1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

### 2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

### 3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### 4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

### 4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán. Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp".

### 4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các công cụ dụng cụ và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính tài sản.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

### 4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 4.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ, vay và nợ thuê tài chính và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

### 4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### 4.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.13 CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP)

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được hưởng một số ưu đãi thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động theo Công văn 2506/CT-TTHT ngày 26/10/2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp.
- Đối với khoản thu nhập thuộc lĩnh vực kinh doanh thông thường, lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác được áp dụng với mức thuế suất thông thường là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4.15 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động cung cấp nước sạch, sản xuất nước đóng chai, hoạt động xây lắp, bán vật tư, dịch vụ thu gom vận chuyển rác và các dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 4.15 BẢO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

### 4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó bên liên quan của Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Tiền mặt	578.050.410	921.487.883
Tiền gửi ngân hàng	42.934.532.568	32.681.321.874
<b>Cộng</b>	<b>43.512.582.978</b>	<b>33.602.809.757</b>

## 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<i>Ngắn hạn</i>				
- Tiền gửi tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (1)	10.500.000.000	10.500.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tiền gửi tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam (2)	7.500.000.000	7.500.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
<i>Dài hạn</i>				
	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

(1) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam, lãi suất 4,3 - 6,0%/năm.

(2) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam, lãi suất 5,2 - 6,0%/năm.

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng này (chi tiết tại Thuyết minh số 20).

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường (3)	84.040.000	-	84.040.000	84.040.000
	84.040.000	-	84.040.000	84.040.000

(3) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 1,25%.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>35.776.044.701</b>	<b>(4.008.128.678)</b>	<b>27.894.810.593</b>	<b>(2.976.179.656)</b>
- Phải thu của khách hàng Nước sinh hoạt	12.111.802.014	(1.278.662.329)	7.800.931.115	(1.068.641.553)
- Ban Quản lý Công trình Công cộng Thành phố Cao Lãnh	3.062.029.375	(199.287.000)	2.828.497.125	-
- Ban Quản lý Công trình Đô thị Thành phố Sa Đéc	2.361.459.000	-	2.172.443.000	-
- Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố Cao Lãnh	3.936.327.786	(350.831.400)	2.136.768.554	-
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tháp Mười	958.980.668	-	823.845.800	-
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	13.345.445.858	(2.179.347.949)	12.132.324.999	(1.907.538.103)
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu của khách hàng là bên liên quan</b>	-	-	-	-

## 8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>2.987.159.364</b>	<b>(94.465.000)</b>	<b>2.501.787.670</b>	<b>(94.465.000)</b>
- Võ Tường Thu	296.202.000	-	-	-
- Hộ kinh doanh Trạm Cấp nước Trung tâm chợ Láng Biển	247.254.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật RINOVA	13.426.398	-	-	-
- Công ty Cổ phần Green Life Group	-	-	207.765.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.430.276.966	(94.465.000)	2.294.022.670	(94.465.000)
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Trả trước cho người bán là bên liên quan</b>	-	-	-	-

## 9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>18.676.281.895</b>	-	<b>17.776.184.683</b>	-
- Tạm ứng	4.862.172.558	-	3.987.700.741	-
- Phải thu thuế TNCN	479.365.568	-	3.226.751.291	-
- Phải thu lãi dự thu	326.470.139	-	261.545.205	-
- Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.081.107.314	-	1.983.000.065	-
- Chi phí nhà máy nước thải	5.612.393.488	-	3.399.249.280	-
- Phải thu do thu hồi đất dự án thoát nước Tp. Cao Lãnh	3.042.207.120	-	3.042.207.120	-
- Phải thu khác	272.565.708	-	1.875.730.981	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.676.281.895</b>	-	<b>17.776.184.683</b>	-

## 10. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.058.929.053	-	28.471.579.957	-
Công cụ dụng cụ	1.732.495.591	-	668.650.698	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.142.837.426	-	951.283.179	-
Thành phẩm	267.212.525	-	317.075.123	-
Hàng hoá	59.555.496	-	83.481.626	-
<b>Cộng</b>	<b>35.261.030.091</b>	-	<b>30.492.070.583</b>	-





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Tại 01/01/2023	429.123.183.664	71.521.642.152	339.692.673.700	1.614.862.450	841.952.361.966
- Mua trong năm	6.626.435.087	8.240.410.739	8.225.163.565	36.024.000	23.128.033.391
- Đầu tư XDCB hoàn thành	23.922.517.246	-	12.025.980.101	-	35.948.497.347
- Thanh lý TSCD	(393.135.003)	(356.478.501)	(147.873.373)	(42.900.000)	(940.386.877)
Tại 31/12/2023	459.279.000.994	79.405.574.390	359.795.943.993	1.607.986.450	900.088.505.827
<b>HAO MÓN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2023	(199.052.932.039)	(42.124.929.618)	(173.321.191.771)	(1.255.334.370)	(415.754.387.798)
- Khấu hao trong năm	(26.047.208.851)	(5.551.972.118)	(26.126.169.446)	(180.611.564)	(57.905.961.979)
- Tăng hao mòn TSCD hình thành từ quỹ Khoa học Công nghệ (*)	(83.886.636)	(412.426.955)	-	-	(496.313.591)
- Thanh lý TSCD	119.812.928	79.700.000	103.445.072	42.900.000	345.858.000
Tại 31/12/2023	(225.064.214.598)	(48.009.628.691)	(199.343.916.145)	(1.393.045.934)	(473.810.805.368)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2023	230.070.251.625	29.396.712.534	166.371.481.929	359.528.080	426.197.974.168
Tại 31/12/2023	234.214.786.396	31.395.945.699	160.452.027.848	214.940.516	426.277.700.459

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 103.674.222.160 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 86.673.344.041 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 101.097.242.905 đồng.

(\*) Giá trị hao mòn các tài sản cố định hữu hình phát sinh tăng do đầu tư, mua sắm được hình thành từ Quỹ Khoa học Công nghệ không ghi nhận vào chi phí của Công ty.

## 12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy vi tính		TSCD vô hình khác		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại 01/01/2023	604.232.107	582.088.000	363.943.636	1.550.263.743			
Tại 31/12/2023	604.232.107	582.088.000	363.943.636	1.550.263.743			
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>							
Tại 01/01/2023	-	(582.088.000)	(363.943.636)	(946.031.636)			
Tại 31/12/2023	-	(582.088.000)	(363.943.636)	(946.031.636)			
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại 01/01/2023	604.232.107	-	-	604.232.107			
Tại 31/12/2023	604.232.107	-	-	604.232.107			

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 946.031.636 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 946.031.636 đồng).

Quyền sử dụng đất là thửa đất số 60, diện tích 193 m<sup>2</sup> tại Xã Tân Phú Trung, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp. Thời hạn sử dụng đất lâu dài nên Công ty không trích khấu hao tài sản này.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
- Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải Thành phố Cao Lãnh (*)	446.392.478.344	446.392.478.344
- Tuyến ống chuyển tải từ Tân Dương đến thị trấn Lai Vung	9.971.992.560	9.832.425.576
- Tuyến ống D315 đường N2 từ thị trấn Mỹ An đến trung tâm xã Mỹ Đông; Tuyến ống D168 đường DT.850 từ đường N2 đến UBND xã Lăng Biền	8.015.494.480	7.014.739.569
- Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Khánh Mỹ, xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vó	-	6.743.556.361
- Xây dựng Nhà máy nước An Hiệp-H.Châu Thành	-	5.586.840.536
- Công trình tuyến ống D220 đường DT 848 từ trạm CN Mương Điều đến áp Tân Trung	-	4.995.675.800
- Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Mỹ Hiệp	-	4.678.978.995
- Xây dựng Nhà máy nước Vĩnh Thạnh-xã Vĩnh Thạnh-H.Lấp Vó	-	4.025.070.242
- Công trình tuyến ống D220 từ nhà máy nước Phú Hộu đến thị trấn Cái Tàu Hạ	3.659.928.861	3.605.778.990
- Tuyến ống D220, D168 từ Trạm cấp nước Tân Việt Hòa đến UBND xã Tịnh Thới	-	2.117.613.828
- Tuyến ống D160 Bờ Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp từ Nhà máy nước Mỹ An đến Công Trạm bơm số 3	-	2.024.336.015
- Các công trình khác	9.554.702.097	12.234.418.913
<b>Cộng</b>	<b>477.594.596.342</b>	<b>509.251.913.169</b>

(\*) Công trình trên được xây dựng trên hai nguồn vốn bao gồm nguồn vốn Ngân sách nhà nước và nguồn vốn ODA do Ngân hàng Tài Thiết Đức (KfW). Sau khi các công trình hoàn thành, Công ty sẽ thực hiện bàn giao lại tài sản cho đơn vị tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp.

## 14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>	<b>21.885.043.669</b>	<b>16.418.509.080</b>
- Chi phí lắp đặt thủy lượng kế	9.872.914.477	5.344.156.969
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.109.469.148	2.924.293.720
- Chi phí đầu tư bộ thông cấp nước	70.928.663	153.750.580
- Chi phí thuê quyền sử dụng đất	7.273.088.785	7.590.251.083
- Chi phí trả trước dài hạn khác	558.642.596	406.056.728
<b>Cộng</b>	<b>21.885.043.669</b>	<b>16.418.509.080</b>

## 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>16.689.334.897</b>	<b>16.689.334.897</b>	<b>15.605.699.671</b>	<b>15.605.699.671</b>
- Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Minh Nghị	2.703.419.267	2.703.419.267	970.760.751	970.760.751
- Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Thương Mại Tường Vân	1.801.985.194	1.801.985.194	-	-
- Công ty TNHH TM DV KTCN Đại Phước Khánh	861.189.964	861.189.964	519.260.000	519.260.000
- Công ty Xăng Dầu Đồng Tháp (TNHH MTV)	857.519.800	857.519.800	1.981.856.220	1.981.856.220
- Công ty TNHH TM Từ Bảo Nghị	584.284.260	584.284.260	481.046.180	481.046.180
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	9.880.936.412	9.880.936.412	11.652.776.520	11.652.776.520
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.824.656.121	2.139.661.934
- Hệ Thống Thoát Nước Thành Phố Cao Lãnh	2.064.277.000	2.064.277.000
- Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất thành phố Cao Lãnh	608.048.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Giám sát Môi trường Phố Xanh	131.400.000	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	20.931.121	75.384.934
Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-

## 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2023		Số phát sinh trong năm		Tại 01/01/2023	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.240.483.932	-	14.696.185.496	14.623.921.618	-	1.168.220.054
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.394.807.645	-	5.739.436.416	5.445.539.523	-	1.100.910.752
- Thuế thu nhập cá nhân	-	2.878.139.001	2.056.239.466	2.457.723.107	(3.126.651.981)	649.996.621
- Thuế tài nguyên	580.450.686	-	6.892.420.960	6.867.257.626	-	555.287.352
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	832.138.771	-	832.138.771	-	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	534.459.000	-	2.223.606.000	2.184.616.000	-	495.469.000
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	1.660.989.323	-	17.816.140.663	17.506.998.603	-	1.351.847.263
<b>Cộng</b>	<b>6.243.329.357</b>	<b>2.878.139.001</b>	<b>50.256.167.772</b>	<b>49.086.056.477</b>	<b>(3.126.651.981)</b>	<b>5.321.731.042</b>

(\*) Số điều chỉnh trong năm 2023 của Thuế Thu nhập cá nhân theo tờ khai Quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2022 được Quyết toán trong năm 2023.

## 18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.471.368.946</b>	<b>6.824.711.110</b>
- Chi phí xử lý rác thải sinh hoạt	4.384.816.134	6.721.674.357
- Chi phí lãi vay phải trả	86.552.812	103.036.753
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>4.471.368.946</b>	<b>6.824.711.110</b>

## 19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.302.481.779</b>	<b>477.011.009.004</b>
- Kinh phí công đoàn	30.225.567	26.425.689
- Bảo hiểm xã hội	45.812.827	48.599.364
- Bảo hiểm y tế	88.307.460	86.099.859
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.698.427	8.864.366
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.775.356.237	2.670.556.237
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.354.081.261	474.170.463.489
+ Dự án Thoát nước TP.Cao Lãnh (**)	-	450.026.334.114
+ Ban QLDA Nâng cấp Đô thị TP.Cao Lãnh (*)	-	13.352.000.000
+ Dự án Thoát nước TP.Cao Lãnh - đấu nối hộ gia đình (**)	-	3.314.999.000
+ Ban QLDA Công ty - Chi phí quản lý dự án	2.600.098.369	2.600.098.369
+ Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp (*)	-	1.002.692.350
+ Ban QLDA Công ty - Chi phí thẩm tra, giám sát, phê duyệt quyết toán	954.559.000	954.559.000
+ Hệ thống cấp nước Xã Tân Khánh Trung, Huyện Lấp Vò (Sở Tài chính)	-	839.356.286
+ Phải trả, phải nộp khác	2.799.423.892	2.080.424.370
<b>Dài hạn</b>	<b>490.124.166.785</b>	<b>24.551.981.321</b>
- Dự án Thoát nước TP.Cao Lãnh (**)	450.026.334.114	-
- Dự án Thoát nước TP.Cao Lãnh - đấu nối hộ gia đình (**)	1.191.159.000	-
- Ban QLDA Nâng cấp Đô thị TP.Cao Lãnh (*)	13.352.000.000	-
- Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp (*)	1.002.692.350	-
- Dự án Hệ thống cấp nước Thường Thới Tiền	17.091.899.500	17.091.899.500
- Dự án Cấp thoát nước VSMT TX.Sa Đéc (**)	3.194.794.280	3.194.794.280
- Dự án Hệ thống cấp nước TX Hồng Ngự (**)	2.586.574.971	2.586.574.971
- Hệ thống cấp nước Xã Tân Khánh Trung, Huyện Lấp Vò (Sở Tài chính)	1.678.712.570	1.678.712.570
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>499.426.648.564</b>	<b>501.562.990.325</b>



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 19. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)

(\*) Là khoản Công ty mượn 09 xe ép rác và 01 Ô tô chở rác với tổng giá trị là 14.354.692.350 đồng.

(\*\*) Đây là khoản phải trả liên quan đến các công trình xây dựng bằng vốn ODA và nguồn vốn đối ứng ngân sách Nhà nước. Sau khi các công trình trên hoàn thành, Công ty sẽ bàn giao cho cơ quan tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào Công văn số 1445/STC-TCDN của Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp ngày 29/06/2018 về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa. Đến thời điểm 01/03/2024 theo Công văn 508/SKHĐT-ĐTCT, Sở Kế hoạch Đầu tư báo cáo việc xây dựng cho UBND Tỉnh Đồng Tháp về phương án trình Văn phòng Chính phủ xin ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính Phủ chỉ đạo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản kết luận về thời điểm Quyết toán của dự án trên, vì vậy tại ngày 31/12/2023, Công ty phân loại sang khoản phải trả dài hạn khác.

## 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2023		Trong năm		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
	<b>a. Vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>62.684.997.551</b>	<b>62.684.997.551</b>	<b>112.569.198.527</b>	<b>124.081.999.640</b>	<b>74.197.798.664</b>
<i>Vay nợ thuê tài chính</i>	<i>41.481.241.551</i>	<i>41.481.241.551</i>	<i>90.606.942.527</i>	<i>101.644.093.640</i>	<i>52.518.392.664</i>	<i>52.518.392.664</i>
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam (3)	15.893.715.756	15.893.715.756	39.651.484.599	41.303.286.251	17.545.517.408	17.545.517.408
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (5)	25.587.525.795	25.587.525.795	50.955.457.928	60.340.807.389	34.972.875.256	34.972.875.256
<b>Lịch đến hạn trả nợ các khoản vay trung, dài hạn</b>	<b>21.203.756.000</b>	<b>21.203.756.000</b>	<b>21.962.256.000</b>	<b>22.437.906.000</b>	<b>21.679.406.000</b>	<b>21.679.406.000</b>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp	7.379.436.000	7.379.436.000	7.961.436.000	10.292.886.000	9.710.886.000	9.710.886.000
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	4.368.320.000	4.368.320.000	4.544.820.000	2.689.020.000	2.512.520.000	2.512.520.000
- Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Đồng Tháp	456.000.000	456.000.000	456.000.000	456.000.000	456.000.000	456.000.000
<b>b. Vay, nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>76.889.811.071</b>	<b>76.889.811.071</b>	<b>11.331.900.360</b>	<b>21.962.256.000</b>	<b>87.520.166.711</b>	<b>87.520.166.711</b>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	30.193.964.000	30.193.964.000	-	9.000.000.000	39.193.964.000	39.193.964.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)	35.926.506.000	35.926.506.000	4.162.909.000	7.961.436.000	39.725.033.000	39.725.033.000
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (3)	10.023.380.071	10.023.380.071	7.168.991.360	4.544.820.000	7.399.208.711	7.399.208.711
- Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN - CN Đồng Tháp (4)	745.961.000	745.961.000	-	456.000.000	1.201.961.000	1.201.961.000
<b>Cộng</b>	<b>139.574.808.622</b>	<b>139.574.808.622</b>	<b>123.901.098.887</b>	<b>146.044.255.640</b>	<b>161.717.965.375</b>	<b>161.717.965.375</b>
<b>Ngân hàng</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Năm thứ 2</b>	<b>Năm thứ 3</b>	<b>Các năm kế tiếp</b>	<b>Tổng</b>	
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	12.193.964.000	39.193.964.000	
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)	7.379.436.000	5.426.000.000	5.426.000.000	25.074.506.000	43.305.942.000	
- Ngân hàng Ngoại Thương VN (3)	4.368.320.000	4.332.921.700	2.964.538.371	2.725.920.000	14.391.700.071	
- Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN - CN Đồng Tháp (4)	456.000.000	456.000.000	289.961.000	-	1.201.961.000	
<b>Cộng</b>	<b>21.203.756.000</b>	<b>19.214.921.700</b>	<b>17.680.499.371</b>	<b>39.994.390.000</b>	<b>98.093.567.071</b>	



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau:

STT	Hợp đồng	Dự án	Dư nợ vay	Thời hạn vay theo hợp đồng	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
(1)	- HD số 01/2013/HĐXDA-NHPTVN ngày 09/04/2013 - HD số 14/2022/HĐTD-DTPT ngày 17/11/2022 - HD thể chấp số 14/2022/HĐTCTSG.LV.D-QDPT	Hệ thống CN TXHIN 10.000m <sup>3</sup> /ngày (Vay VDB - Ngân hàng Phát triển Việt Nam)	39.193.064.000	15 năm	0,3%/năm	Toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư là công trình dự án hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
(2)	- HD số 16/2022/HĐTD-DTPT ngày 17/11/2022 - HD thể chấp số 16/2022/HĐTCTSG.LV.D-QDPT	Tuyến ống D168 đường ĐT852 từ Cầu Tân Dương-chợ Ông Hộ, xã Tân Dương, Huyện Lai Vung	739.409.000	12 năm	6,5%/năm	Quyền sử dụng đất gắn liền với đất công trình dự án cấp nước
(2)	- HD số 08/2017/HĐTD-DTPT ngày 17/7/2017	Xây dựng trạm bơm tăng áp Tân Việt Hòa-TP.CL., Gói thầu 4: Cung cấp, lắp đặt bể chứa nước sạch 1000m <sup>3</sup> .	1.221.000.000	12 năm	6,5%/năm	Dự án máy bơm Tân Việt Hòa
(2)	- HD số 08/2017/HĐTD-DTPT ngày 17/7/2017	Nhà máy nước mặt Đồng Bình - công suất 5.000 m <sup>3</sup> /ngày	1.953.436.000	7 năm	6%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đất nước, khu xử lý nước, trạm bơm
(2)	- HD vay số 02/2020/HĐTD-QDPT ngày 03/6/2020 - HD thể chấp số 02/2020/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 03/6/2020 - HD thể chấp số 02/2020/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 03/6/2020 - HD thể chấp số 02/2020/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 03/6/2020 - HD thể chấp số 02/2020/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 08/12/2022 - HD thể chấp số 02/2022/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 05/11/2022 - HD thể chấp số 02/2022/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 05/11/2022 - HD thể chấp số 02/2022/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 05/11/2022 - HD sửa đổi, bổ sung 01/2021/HĐSĐSHĐTD-QDPT ngày 20/4/2021 - HD sửa đổi, bổ sung 01/2021/HĐSĐSHĐTD-QDPT ngày 20/4/2021 - HD thể chấp số 01/2021/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 20/4/2021 - HD thể chấp số 01/2021/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 20/4/2021	Mua lại Nhà máy nước mặt Đồng Bình	17.372.000.000	15 năm	6%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đất nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Văn phòng làm việc của Công ty đã đầu tư trong khuôn viên Nhà máy nước mặt Đồng Bình
(2)	- HD vay số 01/2020/HĐTD-QDPT ngày 25/5/2020 - HD thể chấp TS số 01/2020/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 25/5/2020 - HD thể chấp TS số 01/2020/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 25/5/2020	Mua sắm 02 ộp rác (6 tấn/xe)x2	3.284.500.000	7 năm	6%/năm	- Xe ộp rác hiệu HINO - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đất nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Văn phòng làm việc chi nhánh số 01 (Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền), tọa lạc tại Phường 1, TP Sa Đéc
(2)	- HD vay số 01/2020/HĐTD-QDPT ngày 25/5/2020 - HD thể chấp TS số 01/2020/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 25/5/2020 - HD thể chấp TS số 01/2020/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 25/5/2020	Thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, công suất 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm (Hạng mục: Gói 5 và Gói 6)	5.022.158.000	10 năm	6%/năm	Quyền khai thác của Dự án Hệ thống cấp nước thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, công suất 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm

## 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

STT	Hợp đồng	Dự án	Dư nợ vay	Thời hạn vay theo hợp đồng	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
(2)	- HD vay số 03/2021/HĐTD-QDPT ngày 11/8/2021 - HD sửa đổi, bổ sung 01/2021/HĐSĐSHĐTD-QDPT ngày 24/5/2021 - HD thể chấp TS số 01/2021/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 20/4/2021 - HD thể chấp TS số 01/2021/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 20/4/2021	Tuyến ống Nhà máy nước Nhà Mán 2 đến chợ Phú Long	1.295.500.000	13 năm	6,5%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đất nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Văn phòng làm việc chi nhánh số 01 (Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền), tọa lạc tại Phường 1, TP Sa Đéc.
(2)	- HD vay số 04/2021/HĐTD-QDPT ngày 11/8/2021 - HD sửa đổi, bổ sung 01/2021/HĐSĐSHĐTD-QDPT ngày 24/5/2021 - HD thể chấp TS số 01/2021/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 20/4/2021 - HD thể chấp TS số 01/2021/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 20/4/2021	Tuyến ống từ Cầu Trại Quán đến UBND xã Tân Phú Trung	785.375.000	13 năm	6,5%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đất nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Nhà máy nước Khu công nghiệp - C, TP Sa Đéc.
(2)	- HD vay số 01/2022/HĐTD-QDPT ngày 17/02/2022 - HD thể chấp TS số 01/2022/HĐTCTSG.LV.D-QDPT ngày 17/02/2022	Cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước mặt thị trấn Mỹ An	1.401.454.000	10 năm	6%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đất nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Nhà máy nước Khu công nghiệp - C, TP Sa Đéc.
(2)	- HD vay số 02/2022/HĐTD-QDPT ngày 30/03/2022 - HD thể chấp số 02/2022/HĐTCTSHHTTL-QDPT ngày 30/03/2022 - HD sửa đổi bổ sung số 02/2021/HĐTCTSHHTTL-QDPT ngày 06/04/2022	Cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước mặt huyện Cao Lãnh	808.200.000	8 năm	6%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đất nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Văn phòng làm việc chi nhánh số 01 (Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền), tọa lạc tại Phường 1, TP Sa Đéc.
(2)	- Hợp đồng vay số 04/2022/HĐTD-QDPT ngày 11/07/2022	Mua 2 xe ộp rác (4,3 tấn/xe)	1.640.000.000	7 năm	6%/năm	- Xe ộp rác hiệu HINO - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đất nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Nhà máy nước Khu công nghiệp - C, TP Sa Đéc
(2)	- HD vay số 06/2022/HĐTD-QDPT ngày 04/10/2022	Cải tạo nâng công suất nhà máy nước Thành Bình	1.213.300.000	12 năm	6,5%/năm	- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đất nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Nhà máy nước Khu công nghiệp - C, TP Sa Đéc - Tài sản hình thành trong tương lai



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

STT	Hợp đồng	Dự án	Dư nợ vay	Thời hạn vay theo hợp đồng	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
(2)	- HD vay số 09/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 04/10/2022	Cải tạo nhà máy nước mặt Mecomng Diều	402.000.000	7 năm	6,5%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đất nước, khu xử lý nước, trạm bơm trung chuyển viên Nhà máy nước Khu công nghiệp - C, TP Sa Đéc.
(2)	- HD vay số 10/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 04/10/2022	Công trình tuyến ống nước: HDPE OD315 từ nhà máy Bình Thành - thị xã Lập Vò	1.449.000.000	12 năm	6,5%/năm	
(2)	- HD vay số 11/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 11/1/2022	Dự án Tuyến ống D168 đường HL, An Hòa - Hòa Bình từ QL30 đến cuối tuyến dân cư ấp 4 xã An Hòa	1.367.000.000	12 năm	6,5%/năm	
(2)	- Hợp đồng vay số 12/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 11/11/2022	Dự án tuyến ống Ø168 đường 844 từ thị trấn Trảng Chơn đến trung tâm xã Phú Thọ	1.443.110.000	12 năm	6,5%/năm	
(2)	- HD vay số 01/2023/HĐTD-QĐTPT ngày 15/06/2023	Cải tạo, nâng công suất NMMN An Long-xã An Long-H. Tam Nông, Gói thầu 7: cung cấp lắp đặt cụm xử lý, es2.500m <sup>3</sup> /ngày (thời hạn vay 12 năm, HD vay: 4.613.090.000đ)	1.908.500.000	69 tháng	6,5%/năm	-Thẻ chấp tài sản gắn liền với đất: Trụ sở công ty.
(3)	- HD vay số 62/2020/VCB-DT-CRC ngày 09/12/2020	Thanh toán tiền mua xe ô tô xe ép rác HINO	576.000.000	5 năm	8,8%/năm	Xe ép rác hiệu HINO.
(3)	- HD vay số 64/2020/VCB-DT-CRC ngày 28/12/2020	Thanh toán tiền lắp đặt bể chứa nước dung tích 700m <sup>3</sup>	314.101.700	5 năm	8,8%/năm	Số dư tiền gửi có kỳ hạn và Giá trị hàng hóa
(3)	- HD vay theo hạn mức số 20/2021/VCB-DT-CRC ngày 25/3/2021	Thanh toán tiền mua xe ô tô xe ép ô tô Imnova	298.500.000	5 năm	8,8%/năm	- Xe ô tô Imnova
(3)	- HD thế chấp TS số 16/2020/VCB-DT-CRC ngày 19/6/2020	Thanh toán tiền mua xe ô tô xe ép ô tô Imnova 665-145-71				- Số dư tiền gửi có kỳ hạn và Giá trị hàng hóa
(3)	- HD vay số 12/2023/VCB-DT-CRC	Vay thanh toán tiền mua xe rác theo HD số 83/2022/HĐKT ngày 11/11/2022	838.500.000	5 năm	10,1%/năm	- Thẻ chấp xe ô tô
(3)	- HD vay số 38/2023/VCB-DT-CRC ngày 18/07/2023	Vay thanh toán tiền mua Hệ thống cấp nước áp 4 xã Phú Lợi, H. Thanh Bình+ mua máy phát điện POWERED BY CUMMINS, Model C275S	1.463.000.000	69 tháng	9,6%/năm	
(3)	- HD vay số 38/2023/VCB-DT-CRC ngày 18/07/2023	Vay thanh toán tiền mua 7 máy bơm (2 máy bơm nước thải HD số 12.12/HĐKT/2022/DWS-DPK ngày 12/12/2022+4 máy bơm nước: Bô-HD số 23/6/HĐKT/2023/DWS-DPK ngày 23/06/2023+1 máy bơm nước thải, HD số 31/7/HĐKT/2023/DWS-DPK ngày 31/07/2023)	855.000.000	69 tháng	8,8%/năm	
(3)	- HD vay số 38/2023/VCB-DT-CRC ngày 18/07/2023	Vay VCB mua bơm ly tâm trực ngang theo HD số 31.08/HĐKT/2023/DWS-KT ngày 31/08/2023 VÀ HD 14.09/HĐKT/2023/DWS-SP ngày 20/09/2023	686.991.360	69 tháng	8,3%/năm	- Thẻ chấp xe ô tô theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 55/2020/VCB-DT-CRC, số 19/2020/VCB-DT-CRC và 12/2023/VCB-DT-CRC; - Hệ thống trạm cấp nước - Và giá trị hàng hóa.
(3)	- HD vay số 38/2023/VCB-DT-CRC ngày 18/07/2023	Vay VCB mua 2 xe rác hiệu Hino, HĐDKT số 03-10/2023/HĐKT ngày 09/10/2023 của Công ty CPVT TMCN Đức Long	2.996.000.000	69 tháng	8,1%/năm	

## 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

STT	Hợp đồng	Dự án	Dư nợ vay	Thời hạn vay theo hợp đồng	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
(3)	- HD vay số 31/2021/VCB-DT-CRC ngày 01/06/2021	Thanh toán tiền mua TCN Bắc Trảng xã Tân Chơn Chi - TBST	159.491.400	5 năm	8,8%/năm	
(3)	- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-DT-CRC ngày 14/5/2021	Thanh toán tiền mua TCN CDC Xã Phú Hiệp & TĐC Mươn Tai Xã Phú Cường H. Tam Nông - TBST + TCN ấp Hậu Thành, Xã Tân Dương, H. Lai Vung - NST	705.471.875	5 năm	8,8%/năm	
(3)	- HD vay số 40/2021/VCB-DT-CRC ngày 14/7/2021	Thanh toán tiền mua hệ thống cấp nước của Trạm cấp nước Khóm 4, TT Trảng Chim, huyện Tam Nông - TBST	290.695.400	5 năm	7,4%/năm	
(3)	- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-DT-CRC ngày 14/5/2021	Thanh toán tiền mua hệ thống cấp nước của Trạm cấp nước Ấp Thông Nhứt 1 + Trạm cấp nước Tân Phú - TBST	880.679.500	5 năm	7,4%/năm	
(3)	- HD vay số 72/2021/VCB-DT-CRC ngày 22/11/2021	Thanh toán tiền mua hệ thống cấp nước của Trạm cấp nước (KĐC Kiểm Điện, huyện Cao Lãnh và Ấp Hòa Ninh - Hòa Bình, huyện Lai Vung)	1.338.917.712	5 năm	7,4%/năm	
(3)	- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-DT-CRC ngày 14/5/2021	Thanh toán tiền mua hệ thống cấp nước: Trung tâm chợ xã Mỹ Hòa (ấp 1), huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	369.340.000	5 năm	7,4%/năm	- Số dư tiền gửi có kỳ hạn
(3)	- HD vay số 09/2022/VCB-DT-CRC ngày 26/01/2022	Thanh toán tiền mua Trạm cấp nước Khóm Mỹ A, huyện Lập Vò và Trạm cấp nước: Phú Thọ B, huyện Tam Nông	879.029.424	5 năm	7,4%/năm	- Giá trị hàng hóa
(3)	- HD thế chấp TS số 26/2021/VCB-DT-CRC ngày 14/5/2021	Vay thanh toán tiền mua Trạm cấp nước: Ấp 2 Xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười	293.727.040	5 năm	7,4%/năm	
(3)	- HD vay số 29/2022/VCB-DT-CRC ngày 26/01/2022	Vay thanh toán tiền mua Trạm cấp nước Ấp Tân Hòa B và Trạm cấp nước Cùm dân cư 2/9 ấp Tân Thuận B, huyện Thanh Bình	562.949.700	5 năm	7,6%/năm	
(3)	- HD thế chấp TS số 36/2020/VCB-DT-CRC ngày 27/4/2022	-HĐ thế chấp 2 trạm (Tân Thuận A và Tân Thuận B)	863.304.960	5 năm	7,6%/năm	
(3)	- HD vay số 52/2022/VCB-DT-CRC ngày 19/07/2022	-HĐ thế chấp trạm cấp nước CDC chợ Gò Bò				



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

STT	Hợp đồng	Dự án	Dư nợ vay	Thời hạn vay theo hợp đồng	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
(3)	- HĐ vay theo hạn mức số 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023 với hạn mức 50 tỷ đồng - Biên bản định giá TS số 51/2023/DG-CRC ngày 17/04/2023+Biên bản định giá TS số 52/2023/DG-CRC ngày 17/04/2023 - HĐ vay theo hạn mức số 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023 với hạn mức 50 tỷ đồng - Biên bản định giá TS số 51/2023/DG-CRC ngày 17/04/2023+Biên bản định giá TS số 52/2023/DG-CRC ngày 17/04/2023 - HĐ vay theo hạn mức số 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023 với hạn mức 50 tỷ đồng - Biên bản định giá TS số 51/2023/DG-CRC ngày 17/04/2023+Biên bản định giá TS số 52/2023/DG-CRC ngày 17/04/2023	Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 02 - HD 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023, số tiền vay theo HD 30 tỷ Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 03 - HD 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023, số tiền vay theo HD 30 tỷ Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 04 - HD 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023, số tiền vay theo HD 30 tỷ Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 05 - HD 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023, số tiền vay theo HD 30 tỷ Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 06 - HD 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023, số tiền vay theo HD 30 tỷ Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 07 - HD 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023, số tiền vay theo HD 30 tỷ	4.793.684.322 5.214.546.344 5.323.430.829 2.185.772.340 3.994.595.260 4.075.496.700	5 tháng 5 tháng 5 tháng 5 tháng 5 tháng 5 tháng	7,0%/năm 7,0%/năm 6,6%/năm 6,3%/năm 6,3%/năm 6,3%/năm	- Chăm sóc bảng tài khoản tiết kiệm: 7.000.000.000 - Thẻ chấp xe Ô tô áp rúc Hino GCN 03/1400 - Thẻ chấp xe Ô tô Innova GCN 66901428 - Thẻ chấp xe Ô tô áp rúc Hino GCN 011045 - Thẻ chấp các trạm cấp nước.
(4)	- HĐ vay theo hạn mức số 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023 với hạn mức 50 tỷ đồng - Biên bản định giá TS số 51/2023/DG-CRC ngày 17/04/2023+Biên bản định giá TS số 52/2023/DG-CRC ngày 17/04/2023 - HĐ vay theo hạn mức số 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023 với hạn mức 50 tỷ đồng - Biên bản định giá TS số 51/2023/DG-CRC ngày 17/04/2023+Biên bản định giá TS số 52/2023/DG-CRC ngày 17/04/2023	Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 08 - HD 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023, số tiền vay theo HD 30 tỷ Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 09 - HD 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023, số tiền vay theo HD 30 tỷ Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 10 - HD 27/2023/VCB.DT-CRC ngày 13/06/2023, số tiền vay theo HD 30 tỷ	1.201.961.000 1.710.013.662	5 năm 5 tháng	7,3%/năm 7,6%/năm	Toàn bộ hệ thống cấp nước của các trạm được mua lại.
(5)	- HĐ thế chấp TS số 85/2021/HĐBĐ/NHCT720-DOWASEN CTYDOWASEN - HĐ vay theo hạn mức số 121/2022-HĐĐC/VHMNHCT-CTYDOWASEN - HĐ thế chấp TS số 85/2021/HĐBĐ/NHCT720-DOWASEN CTYDOWASEN - HĐ vay theo hạn mức số 121/2022-HĐĐC/VHMNHCT-CTYDOWASEN - HĐ thế chấp TS số 85/2021/HĐBĐ/NHCT720-DOWASEN CTYDOWASEN - HĐ vay theo hạn mức số 121/2022-HĐĐC/VHMNHCT-CTYDOWASEN - HĐ thế chấp TS số 85/2021/HĐBĐ/NHCT720-DOWASEN CTYDOWASEN - HĐ vay theo hạn mức số 121/2022-HĐĐC/VHMNHCT-CTYDOWASEN	Thanh toán tiền mua vật tư - Giấy nhận nợ số 04 Thanh toán tiền mua vật tư - Giấy nhận nợ số 05 Thanh toán tiền mua vật tư - Giấy nhận nợ số 06 Thanh toán tiền mua vật tư - Giấy nhận nợ số 07	2.831.317.475 3.532.782.890 5.627.683.463 2.191.918.266	5 tháng 5 tháng 5 tháng 5 tháng	7,1%/năm 7,0%/năm 7,0%/năm 7,0%/năm	- Chăm sóc bảng số dư hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng
<b>Tổng</b>			<b>139.574.808.622</b>			

## 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 21.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
UBND tỉnh Đồng Tháp	85,60%	221.854.800.000	85,60%	221.854.800.000
Ông Phan Đình Hùng	0,41%	1.056.000.000	0,41%	1.056.000.000
Ông Nguyễn Văn Đệ	0,22%	577.000.000	0,22%	577.000.000
Ông Nguyễn Thượng Vũ	0,20%	526.000.000	0,20%	526.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	0,44%	1.131.000.000	0,03%	80.000.000
Ông Hoàng Quốc Hưng	0,12%	319.000.000	0,12%	319.000.000
Cổ đông khác	13,02%	33.717.500.000	13,42%	34.768.500.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>259.181.300.000</b>	<b>100%</b>	<b>259.181.300.000</b>

### 21.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	259.181.300.000	259.181.300.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	259.181.300.000	259.181.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.291.696.700	14.773.334.100

### 21.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2023 Cổ phiếu	Tại 01/01/2023 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	25.918.130	25.918.130
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	25.918.130	25.918.130
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	25.918.130	25.918.130
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.918.130	25.918.130
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	25.918.130	25.918.130
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

### 21.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	
<b>Tại 01/01/2022</b>	259.181.300.000	27.605.902.085	32.037.218.488	318.824.420.573	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	36.434.826.862	36.434.826.862	
- Phân phối lợi nhuận năm 2021	-	9.611.165.500	(32.037.218.488)	(22.426.052.988)	
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	9.611.165.500	(9.611.165.500)	-	
+ Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(7.216.758.888)	(7.216.758.888)	
+ Trích Quỹ thưởng người quản lý Công ty chuyên trách	-	-	(435.960.000)	(435.960.000)	
+ Chia cổ tức năm 2021	-	-	(14.773.334.100)	(14.773.334.100)	
<b>Tại 31/12/2022</b>	259.181.300.000	37.217.067.585	36.434.826.862	332.833.194.447	
<b>Tại 01/01/2023</b>	259.181.300.000	37.217.067.585	36.434.826.862	332.833.194.447	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	43.114.829.633	43.114.829.633	
- Phân phối lợi nhuận năm 2022 (*)	-	10.930.448.059	(36.434.826.862)	(25.504.378.803)	
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	10.930.448.059	(10.930.448.059)	-	
+ Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(9.823.882.103)	(9.823.882.103)	
+ Trích Quỹ thưởng người quản lý Công ty chuyên trách	-	-	(388.800.000)	(388.800.000)	
+ Chia cổ tức năm 2022	-	-	(15.291.696.700)	(15.291.696.700)	
<b>Tại 31/12/2023</b>	259.181.300.000	48.147.515.644	43.114.829.633	350.443.645.277	

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 09/NQ-DHĐCD ngày 26/06/2023.

## 22. DOANH THU BÁN HÀNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>a. Doanh thu</b>	<b>453.194.028.131</b>	<b>417.484.531.801</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	2.956.105.328	3.374.731.421
- Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	331.354.043.619	304.522.961.572
- Doanh thu nước đóng chai	11.305.769.912	9.680.850.888
- Doanh thu xây lắp	13.634.888.684	10.540.605.361
- Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác	85.744.675.814	79.995.160.488
- Doanh thu dịch vụ khác	8.198.544.774	9.370.222.071
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	-	-
<b>b. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>64.336.323</b>	<b>296.768.182</b>
Chiết khấu thương mại hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác	64.336.323	296.768.182

## 23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.492.984.301	2.788.045.360
Giá vốn cung cấp nước sinh hoạt	209.971.162.156	192.721.154.065
Giá vốn nước đóng chai	8.265.335.980	6.818.285.621
Giá vốn xây lắp	10.703.222.517	7.776.841.169
Giá vốn dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác	74.597.956.922	76.597.440.329
Giá vốn dịch vụ khác	5.516.351.897	5.539.245.396
<b>Cộng</b>	<b>311.547.013.773</b>	<b>292.241.011.940</b>





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	636.138.752	487.678.334
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>656.138.752</b>	<b>507.678.334</b>

## 25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	7.441.577.110	6.566.873.533
<b>Cộng</b>	<b>7.441.577.110</b>	<b>6.566.873.533</b>

## 26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>38.383.999.526</b>	<b>35.999.797.222</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	644.729.285	689.293.982
- Chi phí vật liệu, bao bì	13.748.162.380	17.043.858.326
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	280.647.853	445.283.960
- Chi phí khấu hao TSCĐ	20.876.766.473	14.985.008.899
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.456.124.978	2.394.646.350
- Chi phí bằng tiền khác	377.568.557	441.705.705
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>49.978.165.272</b>	<b>43.421.343.766</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	25.564.713.225	26.145.829.270
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.169.619.063	662.073.911
- Chi phí khấu hao TSCĐ	398.165.106	620.067.534
- Thuế, phí và lệ phí	512.322.281	939.536.835
- (Hoàn nhập) / bổ sung chi phí dự phòng	1.031.949.022	512.109.031
- Trích quỹ khoa học công nghệ	4.600.000.000	2.333.022.206
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	889.602.557	568.507.094
- Chi phí bằng tiền khác	15.811.794.018	11.640.197.885

## 27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ phí nước thải sinh hoạt giữ lại	1.788.270.428	1.673.154.456
Thu tiền bán phế liệu	656.163.637	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	397.235.481
Thu nhập từ khách hàng đóng góp chi phí lắp đặt đường ống	10.757.574	52.798.821
Thu từ vi phạm hợp đồng	725.700	232.763.200
Thu nhập khác	475.246.699	218.045.940
<b>Cộng</b>	<b>2.931.164.038</b>	<b>2.573.997.898</b>

## 28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	240.938.421	-
Chi phí tiền điện	83.021.450	68.093.450
Tiền phạt chậm nộp thuế	3.012.997	-
Chi phí đào tạo	-	151.000.000
Chi phí khác	185.000.000	187.750.512
<b>Cộng</b>	<b>511.972.868</b>	<b>406.843.962</b>

## 29. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	165.961.990.335	153.621.246.331
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	97.740.659.648	102.056.685.634
Chi phí công cụ dụng cụ	4.548.269.843	3.881.320.753
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.905.961.979	53.705.130.395
Thuế, phí và lệ phí	512.322.281	939.536.835
Chi phí dự phòng	631.949.022	512.109.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.459.110.143	13.036.328.025
Chi phí bằng tiền khác	50.206.589.599	49.800.938.480
<b>Cộng</b>	<b>388.966.852.850</b>	<b>377.553.295.484</b>



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>48.854.266.049</b>	<b>41.633.569.428</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>1.914.465.649</b>	<b>1.911.452.652</b>
- Chi phí khấu hao không được trừ	1.911.452.652	1.911.452.652
- Chi phí khác	3.012.997	209.500.000
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(20.000.000)</b>	<b>(20.000.000)</b>
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.000.000)	(20.000.000)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>50.748.731.698</b>	<b>43.525.022.080</b>
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác	44.103.099.234	35.481.618.496
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	6.645.632.464	8.252.903.584
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>		
- Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi thuế	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.739.436.416</b>	<b>5.198.742.566</b>

## 31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022 (trình bày lại)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>43.114.829.633</b>	<b>36.434.826.862</b>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(11.153.806.426)	(9.822.829.322)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (VND) (*)	(400.967.916)	(389.852.647)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	25.918.130	25.918.130
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>1.218</b>	<b>1.012</b>

(\*) Trong năm 2022, Công ty đã tạm tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý Công ty chuyên trách theo tỷ lệ lần lượt là 17,94% và 1,10% theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2022 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2022. Trong năm 2023, căn cứ phương án phân phối lợi nhuận được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2023, tỷ lệ trích các quỹ này lần lượt là 26,96% và 1,07%. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh cho năm tài chính 2022.

## 31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

Ngoài ra, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý Công ty chuyên trách cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được tạm tính theo tỷ lệ lần lượt là 25,87% và 0,93% lợi nhuận sau thuế trong năm, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2023.

## 32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2023	Cung cấp nước	Thu gom, vận	Bán nước đóng	Xây lắp	Dịch vụ khác	Cộng
	sinh hoạt	chuyển và xử lý rác	chai và vật tư	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	331.354.043.619	85.680.339.491	14.261.875.240	13.634.888.684	8.198.544.774	453.129.691.808
Giá vốn bộ phận	(209.971.162.156)	(74.597.956.922)	(10.758.320.281)	(10.703.222.517)	(5.516.351.897)	(311.547.013.773)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>121.382.881.463</b>	<b>11.082.382.569</b>	<b>3.503.554.959</b>	<b>2.931.666.167</b>	<b>2.682.192.877</b>	<b>141.582.678.035</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(88.362.164.798)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						53.220.513.237
Doanh thu hoạt động tài chính						656.138.752
Chi phí tài chính						(7.441.577.110)
Thu nhập khác						2.931.164.038
Chi phí khác						(511.972.868)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(5.739.436.416)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>43.114.829.633</b>
<b>Tổng Tài sản</b>						<b>1.071.934.256.929</b>
<b>Tổng Nợ phải trả</b>						<b>721.490.611.652</b>

## 33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp):

Năm 2022	Cung cấp nước	Thu gom, vận	Bán nước đóng	Xây lắp	Dịch vụ khác	Cộng
	sinh hoạt	chuyển và xử lý rác	chai và vật tư	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	304.522.961.572	79.698.392.306	13.055.582.309	10.540.605.361	9.370.222.071	417.187.763.619
Giá vốn bộ phận	(192.721.154.065)	(76.597.440.329)	(9.606.330.981)	(7.776.841.169)	(5.539.245.396)	(292.241.011.940)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>111.801.807.507</b>	<b>3.100.951.977</b>	<b>3.449.251.328</b>	<b>2.763.764.192</b>	<b>3.830.976.675</b>	<b>124.946.751.679</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(79.421.140.988)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						45.525.610.691
Doanh thu hoạt động tài chính						507.678.334
Chi phí tài chính						(6.566.873.533)
Thu nhập khác						2.573.997.898
Chi phí khác						(406.843.962)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(5.198.742.566)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>36.434.826.862</b>
<b>Tổng Tài sản</b>						<b>1.071.753.687.154</b>
<b>Tổng Nợ phải trả</b>						<b>738.920.492.707</b>



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## 34. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	
<i>Thu nhập từ tiền lương, thưởng, phụ cấp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty</i>	<i>3.764.015.007</i>	<i>4.207.121.352</i>	
- Ông Nguyễn Văn Đệ	Chủ tịch HĐQT	645.591.063	738.393.531
- Ông Trần Văn Tấn	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	587.360.064	543.563.345
- Ông Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	542.138.043	629.148.776
- Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	542.338.043	628.348.776
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	490.619.248	564.973.225
- Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	206.027.850	244.970.598
- Bà Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	242.753.427	274.120.551
- Ông Hoàng Quốc Hưng	Kế toán trưởng	507.187.270	583.602.551
<i>Thù lao của Ban Kiểm soát</i>	<i>108.000.000</i>	<i>108.000.000</i>	
- Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
- Bà Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.872.015.007</b>	<b>4.315.121.352</b>	

## 35. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 35.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

### 35.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Hợp đồng thuê đất số 63HĐ/TĐ ngày 29/10/2020 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích 2.489,7 m<sup>2</sup> và đơn giá thuê đất ổn định 05 năm từ 23/6/2020 đến ngày 23/06/2025 là 71.878 đồng/m<sup>2</sup>/năm.
- Hợp đồng thuê lại đất số 71/HĐKT-XNHT ngày 07/06/2004 giữa Xí nghiệp hạ tầng khu Công nghiệp (nay là Công CP Đầu tư phát triển nhà và Khu công nghiệp Đồng Tháp) và Ban quản lý dự án cấp thoát nước và VSMT thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp) với tổng diện tích 19.436 m<sup>2</sup> và đơn giá thuê đất từ ngày 01/01/2021-01/01/2026 là 4.000 đồng/m<sup>2</sup>/năm.

## 35. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

### 35.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

- Hợp đồng thuê đất số 93HĐ/TĐ ngày 06/12/2019 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích 1.785,7 m<sup>2</sup> và đơn giá thuê đất ổn định 05 năm từ 01/01/2021 đến ngày 01/01/2026 là 81.684 đồng/m<sup>2</sup>/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 45HĐ/TĐ ngày 02/07/2019 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích 2.254,7 m<sup>2</sup> và đơn giá thuê đất ổn định 05 năm từ 03/01/2019 đến ngày 03/01/2024 là 9.240 đồng/m<sup>2</sup>/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 55HĐ/TĐ ngày 29/10/2020 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích 882,8 m<sup>2</sup> và đơn giá thuê đất ổn định 05 năm từ 23/06/2020 đến ngày 23/06/2025 là 117.041 đồng/m<sup>2</sup>/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 19HĐTĐ/2019 ngày 17/12/2019 giữa hộ Ông Trịnh Văn Cò, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp Phú Long, xã Phú Hựu, huyện Châu Thành và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp để xây dựng nhà máy nước Phú Hựu với tổng diện tích 507 m<sup>2</sup> và thời gian thuê 20 năm, từ ngày 17/12/2019 đến ngày 17/12/2039, giá trị thuê đất 18.000.000 đồng/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 16HĐ/TĐ ngày 27/02/2018 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích 323,5 m<sup>2</sup> và đơn giá thuê đất ổn định kể từ ngày 29/9/2016 đến ngày 29/5/2042 là 3.500 đồng/m<sup>2</sup>/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 03/HĐTĐ/2021 ngày 23/3/2021 giữa Bà Liêu Tuyết Mỹ, sinh ngày 29/3/1956, địa chỉ: ấp Hoàn Thuận, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp để xây dựng nhà máy nước Vĩnh Thạnh tổng diện tích 535 m<sup>2</sup> và thời gian thuê 20 năm, từ ngày 26/3/2021 đến ngày 26/3/2041, giá trị thuê đất là 564.000.000 đồng.
- Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTĐ/2021 ngày 12/4/2021 giữa hộ ông Tống Hoàng Ky, sinh năm 1960, địa chỉ: ấp Khánh An, xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp để lắp đặt trạm biến áp, trạm cấp nước Mường Điều, tổng diện tích 2 m<sup>2</sup> và thời gian thuê 20 năm, từ ngày 12/4/2021 đến ngày 12/4/2041, giá trị thuê đất là 25.000.000 đồng.
- Hợp đồng thuê đất số 48HĐ/TĐ ngày 23/10/2020 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích 368 m<sup>2</sup> và đơn giá thuê đất ổn định kể từ ngày 10/6/2019 đến ngày 10/6/2024 là 23.940 đồng/m<sup>2</sup>/năm.

### 35.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 35.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

### 35. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

#### 35.5 CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 của Công đã được kiểm toán, trong đó một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại như được nêu tại mục 31 và 32 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2022 đã kiểm toán VND/cổ phiếu	Năm 2022 trình bày lại VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.138	1012
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.138	1012

TP. Cao Lãnh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lý Thu Cúc

Hoàng Quốc Hưng

Trần Văn Tấn



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

CTCP CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Xác nhận của người đại diện pháp luật



Tổng Giám đốc  
Trần Văn Tấn





## CTCP CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP



Số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh,  
Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam



(0277) 3853 332



[www.dowasen.com](http://www.dowasen.com)



[capnuocdt@dowasen.com](mailto:capnuocdt@dowasen.com)